**BÀI 8. NHỮNG CUNG BẬC TÌNH CẢM**

**(Thơ song thất lục bát - 12 tiết)**



**Nỗi nhớ thương**

**của người chinh phụ**

**Hai chữ nước nhà**

**Tì bà hành**

(Đọc và thực hành Tiếng Việt: 8 tiết;

Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 1 tiết, Ôn tập: 1 tiết)

**I. MỤC TIÊU:** *Học sinh đạt được:*

**1. Kiến thức:**

-Chủ đề 8, Những cung bậc tình cảm (Đặc điểm thơ song thất lục bát).

**2. Năng lực**

**a. *Năng lực đặc thù***

-Nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát.

-Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.

-Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

-Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

-Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.

-Nhận biết được sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn.

-Viết được một VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ của nó.

-Biết thảo luận về một vấn đề đang quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

***b. Năng lực chung***

-Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

-Năng lực giao tiếp, hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân.

**3. Phẩm chất**

- Đổng cảm và tôn trọng cảm xúc của người khác

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Thiết bị dạy học**

-Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video tư liệu liên quan, nội dung các PHT, câu hỏi để giao nhiệm vụ học tập cho HS.

-Bảng phụ, giá treo tranh (trưng bày sản phẩm học tập của HS), giấy A4, A0/A1/ bảng nhóm để HS trình bày kết quả làm việc nhóm, bút lông, keo dán giấy/ nam châm.

-SGK, SGV.

-Một số tranh ảnh, video có liên quan đến tác phẩm ***Chinh phụ ngâm, Hai chữ nước nhà, Tì bà hành***; tranh ảnh do GV chuẩn bị có liên quan đến nội dung chủ điểm (dùng cho hoạt động mở đầu) hoặc nội dung các VB đọc.

-Các PHT; bảng tóm tắt thi luật thơ song thất lục bát và lưu ý về cách đọc; phiếu hướng dẫn đọc VB 2 và VB 3, phiếu bài tập VB *Đọc mở rộng theo thể loại.*

-Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm.

**2. Học liệu**

- Tri thức ngữ văn

- Một số video, hình ảnh liên quan đến nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :**

**PHẦN TRI THỨC ĐỌC HIỂU**

**A.HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** *(Dự kiến thời lượng: 5 phút)*

***a. Mục tiêu****:* HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

***b. Nội dung****:* HS vận dụng kiến thức về lịch sử và cuộc sống để trả lời câu hỏi.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -Xem video Khởi nghĩa Hoàng Công Chất (1739 – 1769) trên địa bàn trấn Sơn Nam.  và chia sẻ cảm xúc: Suy nghĩ gì về các cuộc tiễn đưa người thân trong chiến tranh PK ?  -“Vì sao cần chia sẻ tình cảm của mình với người khác và thấu hiểu cảm xúc của họ?”.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi  - GV theo dõi, quan sát HS  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày ý kiến cá nhân  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét câu trả lời; chốt kiến thức, chuyển dẫn vào chủ đề bài học | Câu trả lời của HS  -Cuộc tiễn đưa li biệt, mẹ xa con , chồng xa vợ mãi mãi.  -> Những cung bậc tình cảm (Thơ song thất lục bát ). |

**B.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** *(Dự kiến thời lượng: 10 phút)*

**Hoạt động tìm hiểu tri thức đọc hiểu về thơ song thất lục bát**

***a. Mục tiêu****:*

-Kích hoạt được kiến thức nền của HS về thơ nói chung và thể thơ song thất lục bát nói riêng.

-Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ song thất lục bát.

**b. Nội dung**:

-GV cho HS thảo luận nhóm về thơ song thất lục bát.

**c. Sản phẩm:**

-Nội dung đã điền của cột K và W trong phiếu K-W-L.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -Cá nhân HS hoàn thành cột K và W của phiếu K-W-L sau.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | K  (Những điều em đã biết về thể thơ song thất lục bát) | W  (Những điều em muốn biết thêm về thơ song thất lục bát) | L  (Những điều em đã học được về thể thơ song thất lục bát) | |  |  |  | |  |  |  |   -Nhóm HS 4 - 6 HS đọc mục Thơ song thất lục bát trong SGK, thảo luận và nêu ít nhất một câu hỏi về những điều còn chưa rõ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  -HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự .  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  -2 - 3 HS trình bày nội dung cột K và W của phiếu K-W-L. Các HS khác bổ sung. GV ghi tóm tắt nội dung trả lời của HS trên phiếu K-W-L chung của cả lớp.  -1 - 2 nhóm HS nêu câu hỏi về thi luật thơ song thất lục bát (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -Dựa trên cột K và W, GV xác định những nội dung mà HS đã biết về thể thơ song thất lục bát, những vấn đề cần tìm hiểu thêm về thể thơ này.  -GV khái quát về đặc điểm của thể thơ song thất lục bát; có thể phân tích thêm một bài thơ song thất lục bát giúp cho HS hiểu rõ thêm về thi luật của thể thơ này; sau đó, so sánh với một bài thơ lục bát để làm rõ sự khác biệt giữa thơ song thất lục bát và thơ lục bát. | **TRI THỨC ĐỌC HIỂU**  **1.** Thơ song thất lục bát  *Thơ song thất lục bát* là thể thơ gồm cặp song thất (bảy tiếng) và cặp lục bát (sáu - tám tiếng) luân phiên kế tiếp nhau trong toàn bài.  **2. Đặc điểm thi luật**  *Vần:* Tiếng cuối của dòng thất đầu tiên hiệp vần với tiếng thứ năm của dòng thất tiếp theo (vần trắc). Tiếng cuối của dòng thất tiếp theo hiệp vần với tiếng cuối của dòng lục (vần bằng). Tiếng cuối của dòng lục hiệp vần với tiếng thứ sáu của dòng bát (vần bằng). Tiếng cuối của dòng bát hiệp vần với tiếng thứ năm của dòng thất kế đó (vần bằng) và cứ thế tiếp tục.  *Nhịp*: Hai dòng thất đưọc ngắt nhịp lẻ, thường là 3/4; dòng lục và dòng bát ngắt nhịp linh hoạt hơn (dòng lục thưòng ngắt nhịp 2/2/2, dòng bát thường ngắt nhịp 2/2/2/2).  Ví dụ cách gieo vần, ngắt nhịp trong đoạn thơ sau:  Thuở lâm hành / oanh chưa bén liễu (T),  Hỏi ngày về / ước nẻo (T) quyên ca (B).  Nay quyên / đã giục / oanh già (B),  Ý nhi / lại gáy / trước nhà /(B) líu lo (B).  *(Chinh phụ ngâm,* nguyên tác chữ Hán: Đặng Trần Côn,bản diễn Nôm: Phan Ích)  3**. Sự khác biệt của thơ song thất lục bát so với thơ lục bát**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Phương diện  so sánh | Thơ lục bát | Thơ song thất lục bát | | Số chữ,  số dòng |  |  | | Vần |  |  | | Nhịp |  |  | | Hài thanh |  |  | |

**Dự kiến sản phẩm PHT số 1**

3. Sự khác biệt của thơ song thất lục bát so với thơ lục bát

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Phương diện  so sánh | Thơ lục bát | Thơ song thất lục bát |
| Số chữ, số dòng | Một cặp lục bát gồm một dòng lục và một dòng bát. | Mỗi khổ thơ bốn dòng được cấu trúc bằng hai dòng thất kết nối với hai dòng lục bát. |
| Vần | Tiếng thứ sáu của dòng lục vần với tiếng thứ sáu của dòng bát kế nó, tiếng thứ tám của dòng bát vẩn với tiếng thứ sáu của dòng lục tiếp theo. | Hiệp vẩn ở mỗi cặp, cặp song thất có vẩn trắc, cặp lục bát có vẩn bằng; giữa cặp song thất và cặp lục bát có vắn liền. |
| Nhịp | Thường ngắt nhịp chẵn, ví dụ: 2/2/2, 2/4/2,... | Thường ngát nhịp 3/4 ở hai dòng thất, 2/2/2 và 212/212 ở cặp lục bát |
| Hài thanh | Các tiếng ở vị trí 1, 3, 5, 7 có thể phối thanh tự do. Riêng các tiếng ở vị trí 2,4,6,8 phải tuân thủ chặt chẽ theo quy định: Tiếng thứ hai là thanh bằng; tiếng thứ tư là thanh trắc; riêng trong dòng bát, nếu tiếng thứ sáu là thanh bằng (ngang) thì tiếng thứ tám phải là thanh bằng (huyền) và ngược lại. | Cặp song thất lấy tiếng ở vị trí thứ ba làm chuẩn, có thể có thanh bằng hoặc thanh trắc nhưng không bắt buộc. Cặp lục bát thì sự đối xứng bằng-trắc chặt chẽ hơn (giống như thơ lục bát). |

**ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**VĂN BẢN 1:** **NỖI NHỚ THƯƠNG CỦA NGƯỜI CHINH PHỤ**

Nguyên tác chữ Hán: Đặng Trăn Côn, Bản diễn Nôm Phan Huy Ích

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:***

***-*** Thi luật của thơ song thất lục bát trong VB"Nỗi nhớ thương của người chinh phụ".

***2.Về năng lực:***

**a. Năng lực đặc thù**

-Nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát.

-Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.

-Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.

-Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

-Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.

**b. Năng lực chung**

*- Năng lực tự chủ và tự học*: tự nghiên cứu bài ở nhà; tìm kiếm nguồn học liệu qua các kênh sách hoặc trên internet; hoàn thành các phiếu học tập được giao; tự đánh giá và đánh giá, tranh luận, phản biện qua các hoạt động nhóm.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác*: biết lựa chọn nội dung, ngôn từ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp, phát triển khả năng làm việc nhóm.

*- Năng lực giải quyết vấn đề:* phối hợp, vận dụng những kinh nghiệm của bản thân, kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống trong học tập.

***3. Về phẩm chất:***

- Đổng cảm và tôn trọng cảm xúc của người khác .

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Thiết bị dạy học**

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm

- Phiếu học tập

**2. Học liệu**

- Video liên quan đến nội dung bài học, tư liệu về tác phẩm "Chinh phụ ngâm khúc".

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :**

**A.HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** (Dự kiến thời lượng: 5 phút)

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh kết nối vào nội dung bài học

**b. Nội dung**: HS xem video và chia sẻ cảm xúc .

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -*Em cảm có cảm xúc gì khi nghe khúc ngâm "Chinh phụ ngâm"của Đặng Trần Côn ?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS hoạt động cá nhân: theo dõi video và chia sẻ cảm xúc.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV mời 1 – 2 HS chia sẻ nhanh trước lớp **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, dẫn dắt vào bài | Gợi ý:  - Cảm xúc buồn, ai oán, đau thương, li biệt... |

**B.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** *(Dự kiến thời lượng: 75 phút)*

**Hoạt động 1. Chuẩn bị đọc**

**a. Mục tiêu:**

- Kích hoạt kiến thức nền liên quan đến chủ đề văn bản, tạo sự liên hệ giữa trải nghiệm của bản thân với nội dung văn bản

- Bước đầu dự đoán được nội dung văn bản.

- Tạo tâm thế trước khi đọc văn bản.

**b. Nội dung**: GV đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS dự đoán nội dung, thể thơ của VB và những yếu tố cần lưu ý khi đọc thể thơ này.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Nhóm 2 HS thảo luận về những yêu cầu sau:  -Em cảm thấy như thế nào khi người thân vắng nhà lâu ngày?  -Xác định thể thơ của VB. Xác định những điều cần lưu ý khi đọc thể thơ này.  -Trình bày một số thông tin về tác phẩm Chinh phụ ngâm mà em đã tìm hiểu ở nhà.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  Nhóm hai HS trao đổi, chuẩn bị câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  1 - 2 nhóm HS trình bày ý kiến, các nhóm khác góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -GV nhận xét câu trả lời của HS.  -GV hướng dẫn HS xác định một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát.  -GV tổng kết kiến thức của HS về tác phẩm Chinh phụ ngâm (có thể nói thêm vấn đề dịch giả) và dẫn dắt vào bài học. | **I. Chuẩn bị đọc**  - HS chia sẻ cảm xúc. |

**Hoạt động 2. Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kĩ năng suy luận, tưởng tượng vào quá trình đọc trực tiếp VB.

**b. Nội dung**: GV hướng dẫn HS đọc văn bản, hướng dẫn kĩ năng suy luận.

**c. Sản phẩm:** *Câu trả lời của HS cho câu hỏi* Suy luận, Tưởng tượng *ở phần* Trải nghiệm cùng VB*.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc thầm VB và phần cước chú. Trong quá trình đọc, khi gặp câu hỏi trong box, tạm thời dừng 1 – 2p để suy ngẫm, trả lời bằng cách ghi nhanh, vắn tắt câu trả lời ra giấy note hoặc nhớ trong đầu.  - Trình bày những nét tiêu biểu về tác giả và tác phẩm ?  - Câu hỏi suy luận: Mục đích của việc sử dụng từ ngữ, hình ảnh chỉ thời gian từ dòng 125 đến dòng 132 là gì ?  (*Mục đích: Chỉ thời gian trôi chậm, người mãi chưa thấy đâu)*  - Câu hỏi tưởng tượng: Em hình dung thế nào về tâm trạng người chinh phụ qua đoạn thơ (dòng 141-dòng 148) ?  *(Tâm trạng mong ngóng, chờ đợi)*  GV gọi từ 1 - 2 HS đọc diễn cảm VB.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS đọc và lắng nghe và làm theo hướng dẫn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  -Cá nhân HS trả lời câu hỏi ***Suy luận, Tưởng tượng*** và lí giải cách thực hiện kĩ năng.  -1 - 2 HS đọc diễn cảm VB.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -GV nhận xét, đánh giá về kết quả đọc của HS: Thái độ của HS đối với việc đọc, trả lời câu hỏi, cách thức thực hiện các kĩ năng suy luận, tưởng tượng và cách đọc diễn cảm (giọng đọc, tốc độ đọc, cách ngắt nhịp,...). Nếu HS chưa vững về kĩ năng suy luận và tưởng tượng, GV có thể làm mẫu để hướng dẫn các em. | **II. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Tác giả, tác phẩm:**  *-Đặng Trần Côn* (chưa rỏ năm sính, năm mất) quê ở làng Nhân Mục, huyện ThanhTrì (nay thuộc phường Nhân Chính, quậnThanh Xuân), thành phố Hà Nội. Ông sống vào khoảng nửa đầu thế kl XVIII. Ngoài tác phẩm nổi bật là *Chinh phụ ngâm,* ông còn làm thơ và viếtmột số bài phú chữ Hán.  - *Chinh phụ ngâm* gồm 478 dòng kể về tâm trạng, hoàn cảnh của người thiếu phụ có chồng đi đánh giặc xa chưa về, thể hiện sự oán ghét chiến tranh phong kiến phi nghĩa và nỗi khát khao tình yêu, hạnh phúc lứa đôi của con người.Tác phẩm được nhiều người diễn Nôm, trong đó bản *Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc* diễn Nôm bằng thể thơ song thất lục bát của Phan Huy Ích được cho là thành công hơn cả.  **2. Đọc văn bản.**  **3. Kĩ năng suy luận, tưởng tượng.** |

**Hoạt động 3. Suy ngẫm và phản hồi**

**NV1.Tìm hiểu về thi luật của thơ song thất lục bát**

**a. Mục tiêu:**

-Nhận biết và phân tích được được một số yếu tố thi luật của thơ song thất lục bát. Vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ.

**b. Nội dung**:

- GV cho HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm hoàn thành sản phẩm.

**c. Sản phẩm:**

Câu trả lời của HS cho PHT số 2.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS làm việc cá nhân, sau đó, thảo luận theo nhóm để hoàn thành PHT số 2:   |  |  | | --- | --- | | **PHT SỐ 2**  **Câu 1**: VB đã tuân thủ quy định về thi luật của thơ song thất lục bát như thế nào?  ***Gợi ý:*** Đọc lại mục ***Thơ song thất lục bát,*** phần ***Tri thức Ngữ văn*** trong SGK và VB ***Nỗi nhớ thương của người chinh phụ,*** sau đó, điền thông tin vào bảng sau: | | | **Số chữ, số dòng** trong một khổ thơ |  | | **Vần** |  | | **Nhịp** |  | | **Kết luận: ...** |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  Cá nhân HS làm việc độc lập, sau đó, thảo luận kết quả với các thành viên trong nhóm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  -GV gọi từ 1 - 2 nhóm trình bày kết quả. Các nhóm khác bổ sung, nêu câu hỏi.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **-**GV nhận xét, hướng dẫn HS kết luận: | **III. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Thi luật của thơ song thất lục bát.**  ***-Số chữ, số dòng:***  ***-Vần:***  ***-Nhịp:***  ***-Hài thanh:*** |

***Dự kiến sản phẩm PHT số 2***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Đọc lại mục Sự khác biệt của thơ song thất lục bát so với thơ lục bát, hoàn thành phiếu*** | |
| ***Số chữ, số dòng*** | * VB có 7 khổ thơ   Mỗi khổ thơ gồm cặp song thất (bảy tiếng) và cặp lục bát (sáu - tám tiếng) |
| ***Vần*** | Tiếng cuối của dòng thất đầu tiên hiệp vần với tiếng thứ năm của dòng thất tiếp theo (vần trắc). Tiếng cuối của dòng thất tiếp theo hiệp vần với tiếng cuối của dòng lục (vần bằng). Tiếng cuối của dòng lục hiệp vần với tiếng thứ sáu của dòng bát (vần bằng). Tiếng cuối của dòng bát hiệp vần với tiếng thứ năm của dòng thất kế đó (vần bằng) và cứ thế tiếp tục.  Ví dụ:  *Thuở lâm hành oanh chưa bén* ***liễu*** *(T),*  *Hỏi ngày về ước* ***nẻo*** *(T) quyên* ***ca*** *(B).*  *Nay quyên đã giục oanh* ***già*** *(B),*  *Ý nhi lại gáy trước* ***nhà*** *(B) líu lo (B).* |
| ***Nhịp*** | Hai dòng thất được ngắt nhịp lẻ, thường là 3/4; dòng lục và dòng bát ngắt nhịp linh hoạt hơn (dòng lục thường ngắt nhịp 2/2/2, dòng bát thường ngắt nhịp 2/2/2/2).  Ví dụ:  Thuở lâm hành/ oanh chưa bén liễu,  Hỏi ngày về/ ước nẻo quyên ca.  Nay quyên/ đã giục/ oanh già,  Ý nhi/ lại gáy/ trước nhà/ líu lo. |
| ***Hài thanh*** | *Cặp song thất lấy tiếng ở vị trí thứ ba làm chuẩn (hành-về )thanh bằng . Cặp lục bát thì sự đối xứng bằng-trắc chặt chẽ hơn (Câu 6: B T B, Câu 8: B T B B).* |
| ***Kết luận****: Đoạn trích được làm theo thi luật Song thất lục bát.* | |

GV chú ý quan sát cách thức làm việc nhóm của HS, nhận xét mức độ hoàn thành và sự chủ động thực hiện nhiệm vụ của từng em dựa trên bảng kiểm đánh giá kĩ năng làm việc nhóm.

**NV2. Tìm hiểu nét độc đáo của văn bản**

**a. Mục tiêu:**

-Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.

-Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

-Đồng cảm và tôn trọng cảm xúc của người khác.

**b. Nội dung**:

- GV cho HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm hoàn thành sản phẩm.

**c. Sản phẩm:**

Câu trả lời của HS cho các câu 2, 3, 4, 5 trong SGK.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**NV2.1.Tìm hiểu bố cục và mạch cảm xúc. Tâm trạng của người chinh phu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS nhắc lại đặc điểm thi luật thơ song thất lục bát, định hướng HS tìm hiểu đoạn thơ theo đặc điểm thi luật.  Câu hỏi:  1-*VB có bố cục mấy phần và mạch cảm xúc của nó ?*  (Đoạn trích “Nỗi nhớ thương của người chinh phụ” có 28 câu với bảy khổ song thất lục bát , chia 2 phần: Câu 125 - câu 140: Nỗi buồn man mác của người chinh phụ trông ngóng chồng trở về  - Còn lại: Nỗi buồn sâu sắc của người chinh phụ)  *2-Từ câu 125 - câu 140 hãy tìm* *từ ngữ, hình ảnh thể hiện lời hẹn ?Phân tích BPTT tác giả sử dụng ?*  *-Từ ngữ, hình ảnh chỉ thời gian và địa điểm gặp gỡ có vai trò gì trong việc bộc lộ tình cảm của người chinh phụ?*  *3-Phần 2, Tâm trạng của người chinh phụ (từ dòng 141 đến dòng 152) có gì khác so với đoạn trước đó? Phân tích nét đặc sắc về nghệ thuật miêu tả tâm trạng trong đoạn này.*  - Giao PHT số 3 (hồ sơ dạy học) yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 – 6HS (5phút).  PHT số 3a  **Từ ngữ thể hiện lời hẹn**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Lời hẹn của người chinh phu | Hoàn cảnh thực tế | | Thời gian gặp gỡ |  |  | | Nơi gặp gỡ |  |  | | Nhận xét |  | |   -Theo em, các từ ngữ, hình ảnh chỉ thời gian và địa điểm gặp gỡ có vai trò gì trong việc bộc lộ tình cảm của người chinh phụ?  PHT số 3b  **Tâm trạng của người chinh phụ từ dòng 141 đến dòng 152**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Yếu tố** | **Từ ngữ** | **Nhận xét** | | **Thời gian** |  |  | | **Địa điểm** |  | | **Tâm trạng** |  | | **Nghệ thuật** |  |   - Hết thời gian, gọi HS báo cáo theo tinh thần xung phong.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thảo luận nhóm hợp tác hoàn thành phiếu **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  *-* GV gọi đại diện các nhóm trình bày sản phẩm  - Các nhóm khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, chốt kiến thức, yêu cầu các nhóm chỉnh sửa, hoàn thiện. | **2. Nét độc đáo của văn bản**  **a-Bố cục và mạch cảm xúc**  - Bố cục 2 phần.  + P1 (câu 125-140) : Lời trách của người chinh phụ với người chinh phu  + P2 (câu 142-152) : Nỗi xót thương của người chinh phụ  => Sự lặp lại có tính quy luật 7 - 7 - 6 - 8, gieo vần, ngắt nhịp linh hoạt -> Nỗi buồn man mác, sâu sắc  **b-Tâm trạng của người chinh phụ:**  **\*Phần 1:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Lời hẹn của người chinh phu** | **Hoàn cảnh thực tế** | | **Thời gian gặp gỡ** | oanh chưa bén liễu  mai chưa dạn gió | oanh già, ý nhi gáy trước nhà,  đào quyến gió đông, tuyết mai trắng bãi, phù dung đỏ bờ | | **Nơi gặp gỡ** | Lũng Tây Nham  Hán Dương cầu | lá rụng cành trâm  Bãi hôm tuôn dẫy nước trào mênh mông. | | **Nhận xét** | 🡪 NT: Sử dụng hình ảnh ước lệ, điển tích…  🡪 Lời hẹn cụ thể, gây mong đợi | 🡪 NT: sừ dụng từ ngữ chỉ TG…  🡪 Lỗi hẹn cả về thời gian và không gian. | | **=> Người chinh phụ ngóng và hi vọng chồng trở về với tâm trạng buồn man mác** | | |   **\*Phần 2:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Yếu tố** | **Từ ngữ** | **Nhận xét** | | **Thời gian** | *hoa dương tàn, rêu xanh, bóng dương, tiền sen…* | **=> *Nỗi xót thương chồng và sự chấp nhận một ngày nào đó chồng sẽ không trở về. (Phản ánh hiện thực nghiệt ngã)*** | | **Địa điểm** | *Hoàng Hoa, ải xa…*  Hán Dương cầu | | **Tâm trạng** | *ngẩn ngơ, xót người…* | | **Nghệ thuật** | *Sử dụng điển tích điển cố, từ ngữ chỉ thời gian ước lệ có sự lặp lại, điệp cấu trúc…* | |

***Dự kiến sản phẩm PHT số 3a***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Lời hẹn của người chinh phu** | **Hoàn cảnh thực tế** |
| **Thời gian gặp gỡ** | oanh chưa bén liễu  mai chưa dạn gió | oanh già, ý nhi gáy trước nhà,  đào quyến gió đông, tuyết mai trắng bãi, phù dung đỏ bờ |
| **Nơi gặp gỡ** | Lũng Tây Nham  Hán Dương cầu | lá rụng cành trâm  Bãi hôm tuôn dẫy nước trào mênh mông. |
| **Nhận xét** | 🡪 NT: Sử dụng hình ảnh ước lệ, điển tích…  🡪 Lời hẹn cụ thể, gây mong đợi | 🡪 NT: sừ dụng từ ngữ chỉ TG…  🡪 Lỗi hẹn cả về thời gian và không gian. |
| **=> Người chinh phụ ngóng và hi vọng chồng trở về với tâm trạng buồn man mác** | | |

***Dự kiến sản phẩm PHT số 3b***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Yếu tố** | **Từ ngữ** | **Nhận xét** |
| **Thời gian** | *hoa dương tàn, rêu xanh, bóng dương, tiền sen…* | **=> *Nỗi xót thương chồng và sự chấp nhận một ngày nào đó chồng sẽ không trở về. (Phản ánh hiện thực nghiệt ngã)*** |
| **Địa điểm** | *Hoàng Hoa, ải xa…*  Hán Dương cầu |
| **Tâm trạng** | *ngẩn ngơ, xót người…* |
| **Nghệ thuật** | *Sử dụng điển tích điển cố, từ ngữ chỉ thời gian ước lệ có sự lặp lại, điệp cấu trúc…* |

**NV2.2.Tìm hiểu tác dụng của sự lặp lại có tính quy luật 7-7-6-8, vần nhịp và phép đối.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS nhắc lại đặc điểm thi luật thơ song thất lục bát, định hướng HS tìm hiểu đoạn thơ theo đặc điểm thi luật.  **Câu hỏi**:  *4-Sự lặp lại có tính quy luật 7 - 7 - 6 - 8, vần, nhịp, đối và phép điệp (điệp ngữ, điệp cấu trúc) trong văn bản có tác dụng gì trong việc biểu đạt tâm trạng, cảm xúc của người chinh phụ?*  - Hết thời gian, gọi HS báo cáo theo tinh thần xung phong.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thảo luận nhóm hợp tác hoàn thành phiếu **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  *-* GV gọi đại diện các nhóm trình bày sản phẩm  - Các nhóm khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, chốt kiến thức, yêu cầu các nhóm chỉnh sửa, hoàn thiện. | **2. Nét độc đáo của văn bản**    **c.Tác dụng của sự lặp lại có tính quy luật 7-7-6-8, vần nhịp và phép đối.**  -Tạo nên một bức tranh tâm trạng cảm xúc đa chiều.  -Thể hiện sự đồng cảm của tác giả với số phận bi đát của người phụ nữ trong xã hội phong kiến |

**3. Tìm hiểu chủ đề và cảm hứng chủ đạo của văn bản**

**a. Mục tiêu:**

-Nhận biết và phân tích được cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

-Nhận biết và phân tích được chủ đề, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông  
qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

**b. Nội dung**:

- GV cho HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm hoàn thành sản phẩm.

**c. Sản phẩm:**

-Câu trả lời của HS cho câu 6, câu 7 trong SGK.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Nêu chủ đề và cảm hứng chủ đạo của văn bản. Chỉ ra một số căn cứ để xác định chủ đề.  **PHT số 4**   |  |  | | --- | --- | | **-Chủ đề văn bản**  **+Căn cứ xác định:** | ....  .... | | **-Cảm hứng chủ đạo:** | ... | |  |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - Cá nhân HS trả lời câu hỏi trên PHT số 4.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  -GV gọi 2 - 3 HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét và nêu câu hỏi.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, chốt kiến thức | **3. Chủ đề và cảm hứng chủ đạo của văn bản**  **a.Chủ đề**: Nỗi nhớ thương của người chinh phụ đối với người chồng đi chinh chiến nơi ải xa.  *- Căn cứ xác định chủ đề:*  + Thông qua nhan đề: nỗi nhớ thương của người chinh phụ  + Hình ảnh: mai chưa dạn gió, độ đào bông, tuyết mai, tiếng cầm, ....  + Từ ngữ chỉ cảm xúc, tâm trạng: ngập ngừng, ngẩn ngơ, xót,...  **b.Cảm hứng chủ đạo**: : Thể hiện niềm cảm thông sâu sắc với tình cảnh vò võ, cô đơn của người chinh phụ trẻ có chồng đi chinh chiến nơi ải xa, qua đó, lên tiếng phê phán chiến tranh. |

**4. Tìm hiểu thông điệp văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -Văn bản gửi thông điệp gì cho chúng ta ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS lắng nghe thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi 2 – 3 HS chia sẻ ý kiến  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, chốt kiến thức | **4. Thông điệp văn bản**  Chiến tranh luôn thù nghịch với hạnh phúc, tình yêu; hãy thông cảm với nỗi cô đơn của người chinh phụ; cảm thông với nỗi đau thương, bất hạnh của con người trong chiến |

**Hoạt động 4. Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS:

- Khái quát lại được đặc trưng thể loại thơ song thất lục bát thể hiện trong văn bản đã học.

**b. Nội dung**:

- GV cho HS làm việc cá nhân hoặc thảo luận nhóm đôi.

**c. Sản phẩm:**

- Phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Qua đọc hiểu văn bản 1, em hãy khái quát lại những đặc trưng cơ bản của thể loại thơ song thất lục bát ? (HS có thể làm việc cá nhân hoặc nhóm đôi)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS làm việc cá nhân hoặc nhóm đôi, quan sát lại nội dung bài học, vận dụng kĩ năng hệ thống kiến thức để trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS bất kì trả lời câu hỏi, HS khác bổ sung, hoàn thiện.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Gv nhận xét câu trả lời, chốt kiến thức, (phần hướng dẫn cách đọc văn bản thực hiện ở VB 2) | **III. Tổng kết**  **Đặc điểm thể loại thơ song thất lục bát**  -Khổ thơ: hai dòng thất kết nối với hai dòng lục bát.  -Vần: cặp song thất có vẩn trắc, cặp lục bát có vẩn bằng; giữa cặp song thất và cặp lục bát có vần liền  -Nhịp:Thường ngắt nhịp 3/4 ở hai dòng thất, 2/2/2 và 2/2/2/2 ở cặp lục bát  -Hài thanh: Cặp song thất lấy tiếng ở vị trí thứ ba làm chuẩn. Cặp lục bát thì sự đối xứng bằng-trắc (giống như thơ lục bát). |

**C.Hoạt động Luyện tập** *(Dự kiến thời lượng: 5 phút)*

**a. Mục tiêu:** Nêu được những suy nghĩ của bản thân sau khi đọc văn bản.

**b. Nội dung**: Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài học

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Trong văn bản trên, người chinh phụ đã bộc lộ nỗi nhớ thương của mình đối với người chồng đi chinh chiến. Hãy sáng tạo một sản phẩm (có thể viết/ vẽ,...) để bày tỏ tình cảm dành cho người mà em yêu quý.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS làm việc cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày ý kiến, các bạn trao đổi, tranh luận (nếu có)  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **-**Gv nhận xét, cho điểm. | Gợi ý:  Mẹ ơi, con nhớ mẹ!  Từ khi mẹ đi xa, con cảm thấy nhà cửa bỗng chốc trống trải. Con nhớ nụ cười hiền hậu của mẹ, nhớ những món ăn ngon mẹ nấu, nhớ những câu chuyện mẹ kể cho con nghe mỗi tối.Con nhớ cảm giác được ôm ấp trong vòng tay yêu thương của mẹ. Con nhớ được mẹ chở đi học, được mẹ dắt đi chợ. Con nhớ tất cả những gì về mẹ.Con mong mẹ sớm về nhà. Con hứa sẽ ngoan ngoãn, học tập giỏi để không phụ lòng mong mỏi của mẹ.  Mẹ ơi, con yêu mẹ nhiều lắm ! |

**D.HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** *(Dự kiến thời lượng: 5 phút)*

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung**: Gv tổ chức trò chơi “Ăn khế trả vàng”

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ: Gv tổ chức trò chơi “Ăn khế trả vàng”

**Câu 1: Văn bản “Nỗi nhớ thương của người chinh phụ” thuộc thể thơ nào?**

Song thất lục bát

**Câu 2**: **Đặc điểm thi luật song thất lục bát?**

- Khổ thơ, gieo vần, ngắt nhịp, hài thanh.

**Câu 3**: **Nêu chủ đề của văn bản ?**

-Người phụ nữ chờ đợi chồng trong chiến tranh

**Câu 4: Cảm hứng chủ đạo?**

Tâm trạng cô đơn, nhớ chồng của người chinh phụ, biểu hiện sự khao khát tình yêu, hạnh phúc của người phụ nữ.

**Câu 5: Thông điệp của văn bản ?**

Thông điệp phê phán chiến tranh phi nghĩa: Không trực tiếp chỉ trích nhưng qua tình cảnh của người chinh phụ lên án xã hội phong kiến với chiến tranh phi nghĩa gây ra sự phân ly, đau khổ cho con người, đặc biệt là người phụ nữ.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động

- Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**PHT số 1**

Sự khác biệt của thơ song thất lục bát so với thơ lục bát

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Phương diện  so sánh | Thơ lục bát | Thơ song thất lục bát |
| Số chữ, số dòng |  |  |
| Vần |  |  |
| Nhịp |  |  |
| Hài thanh |  |  |

**PHT số 2**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Đọc lại mục Sự khác biệt của thơ song thất lục bát so với thơ lục bát, hoàn thành phiếu*** | |
| **Số chữ, số dòng** |  |
| **Vần** |  |
| **Nhịp** |  |
| **Hài thanh** |  |
| **Kết luận:** | |

**PHT số 3a**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Lời hẹn của người chinh phu** | **Hoàn cảnh thực tế** |
| **Thời gian gặp gỡ** |  |  |
| **Nơi gặp gỡ** |  |  |
| **Nhận xét** |  | |

**PHT số 3b**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Yếu tố** | **Từ ngữ** | **Nhận xét** |
| **Thời gian** |  |  |
| **Địa điểm** |  |
| **Tâm trạng** |  |
| **Nghệ thuật** |  |

**PHT số 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chủ đề văn bản**  **-Căn cứ xác định:** | ....  .... |
| **Cảm hứng chủ đạo:** | ... |
|  |  |

**Văn bản 2:**

**HAI CHỮ NƯỚC NHÀ**

**(Nghĩ lời ông Phi khanh dặn lời ông Nguyễn Trãi khi ông bị quân Minh bắt giải sang Tàu)**

*(Trần Tuấn Khải)*



**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:***

-Đặc điểm thơ song thất lục bát

***2.Về năng lực:***

**a. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống, cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

**b. Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

***3. Về phẩm chất:***

- Thể hiện tình yêu quê hương bằng những hành động thiết thực.

- Chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Thiết bị dạy học**

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm

- Phiếu học tập

**2. Học liệu**

- Tài liệu, video liên quan đến nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :**

**A.HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** (Dự kiến thời lượng: 5 phút)

**a. Mục tiêu:** Kích hoạt kiến thức nền về nội dung văn bản để HS cảm nhận

**b. Nội dung**: Hướng dẫn HS chia sẻ suy nghĩ của mình.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS nghe và quan sát video bài hát  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS hoạt động cá nhân: theo dõi, quan sát, suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Yêu cầu HS trình bày ý kiến cá nhân  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét câu trả lời; chốt kiến thức, chuyển dẫn vào chủ đề bài học | Chia sẻ của HS |

**B.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** *(Dự kiến thời lượng: 75 phút)*

**Hoạt động 1. Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu:** Đọc diễn cảm VB và sử dụng được các kĩ thuật đọc suy luận, theo dõi khi trả lời các câu hỏi *Trải nghiệm cùng VB*.

**b. Nội dung**: GV hướng dẫn HS đọc văn bản

**c. Sản phẩm:** Phần đọc và trả lời câu hỏi của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV. Nhắc nhở HS theo dõi box chú thích về tác giả để nắm được thông tin về tác giả.  - GV hướng dẫn HS giải thích từ khó trước khi đọc văn bản.  - Một HS đọc diễn cảm VB, các HS khác xem lại phần chuẩn bị ở nhà cho các câu hỏi *Trải nghiệm cùng VB*, bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện.  *1. Suy luận: Khổ thơ này thể hiện tâm trạng gì của nhân vật người cha?*  *2. Suy luận: Nhân vật người cha đã dẫn ra những câu chuyện, nhân vật lịch sử (trong các dòng thơ từ dòng 37 đến dòng 52) nhằm mục đích gì?*  *3. Suy luận: Em hiểu thế nào về hai dòng thơ cuối?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS đọc và lắng nghe và làm theo  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  *- HS đọc, trả lời câu hỏi*  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **-**GV nhận xét cách đọc, uốn nắn những bạn có cách đọc chưa chính xác. | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc văn bản**  **2. Kĩ năng theo dõi, suy luận**  1. Khổ thơ này thể hiện lòng nhiệt huyết yêu nước của người cha cùng cảnh ngộ bất lực của mình.  2. Nhân vật người cha đã dẫn ra những câu chuyện, nhân vật lịch sử (trong các dòng thơ từ dòng 37 đến dòng 52) nhằm mục đích:  – Khích lệ dòng máu anh hùng dân tộc ở người con.  – Thể hiện niềm tự hào dân tộc, một lòng yêu nước.  3. - Hai dòng thơ cuối nhắc nhở về công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ, khuyên nhủ con cái phải sống tốt, làm người có ích.  - Hơn nữa, *đức sinh thành* không chỉ là cha mẹ, mà còn là những người có công lao với mình, với đất nước.  - *Sao cho khỏi để ô danh với đời* là lời nhắc nhở mỗi người cần sống xứng đáng với những hi sinh của thế hệ trước, góp phần xây dựng đất nước ngày càng tốt đẹp.  → Ông đặc biệt xoáy sâu vào sự kích thích lòng yêu nước nơi người con, phải nuôi một mối thù truyền kiếp của dân tộc, luôn trong thế chủ động tìm cơ hội để đánh đuổi giặc cướp nước, chớ dại dột để mất nước dễ dàng, mù quáng.  **3. Tác giả**  -Nhà thơ Trần Tuấn Khải (1985-1989) bút danh Á Nam, người tỉnh Nam Định, xuất thân nhà Nho nghèo, có truyền thống yêu nước.  -Đậu cử nhân khoa thi hương năm Canh Tý.  Năm 12 tuổi đã biết làm các thể thơ bằng chữ Hán.  -Những năm 1966-1967, ông là Chủ tịch danh dự lực lượng bảo vệ văn hóa dân tộc.  -Sau năm 1975, ông là cố vấn Hội Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh. |

**Hoạt động 2. Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS:

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

**b. Nội dung**:

- GV cho HS làm việc cá nhân và thảo luận nhóm

- HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm trưng bày sản phẩm

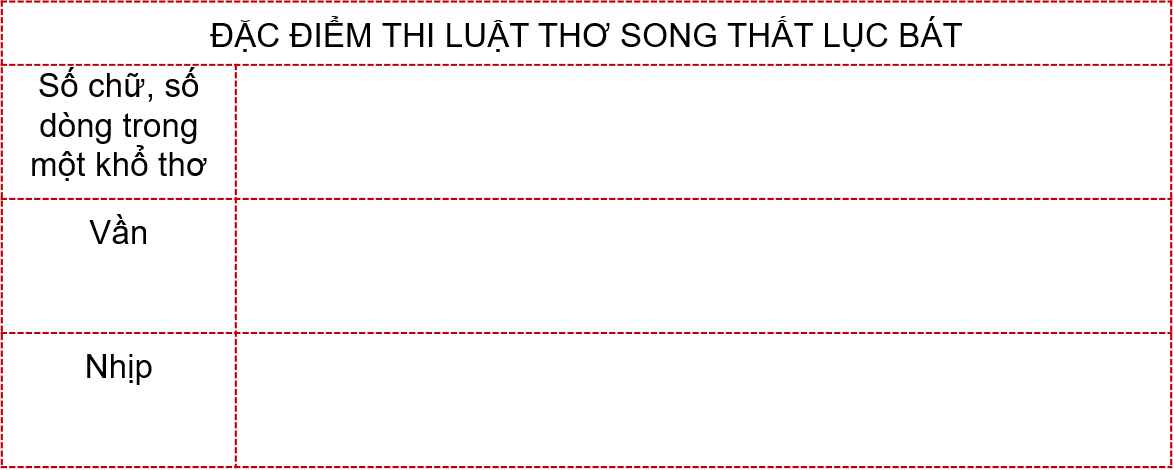
**c. Sản phẩm:**

- Phiếu học tập, phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

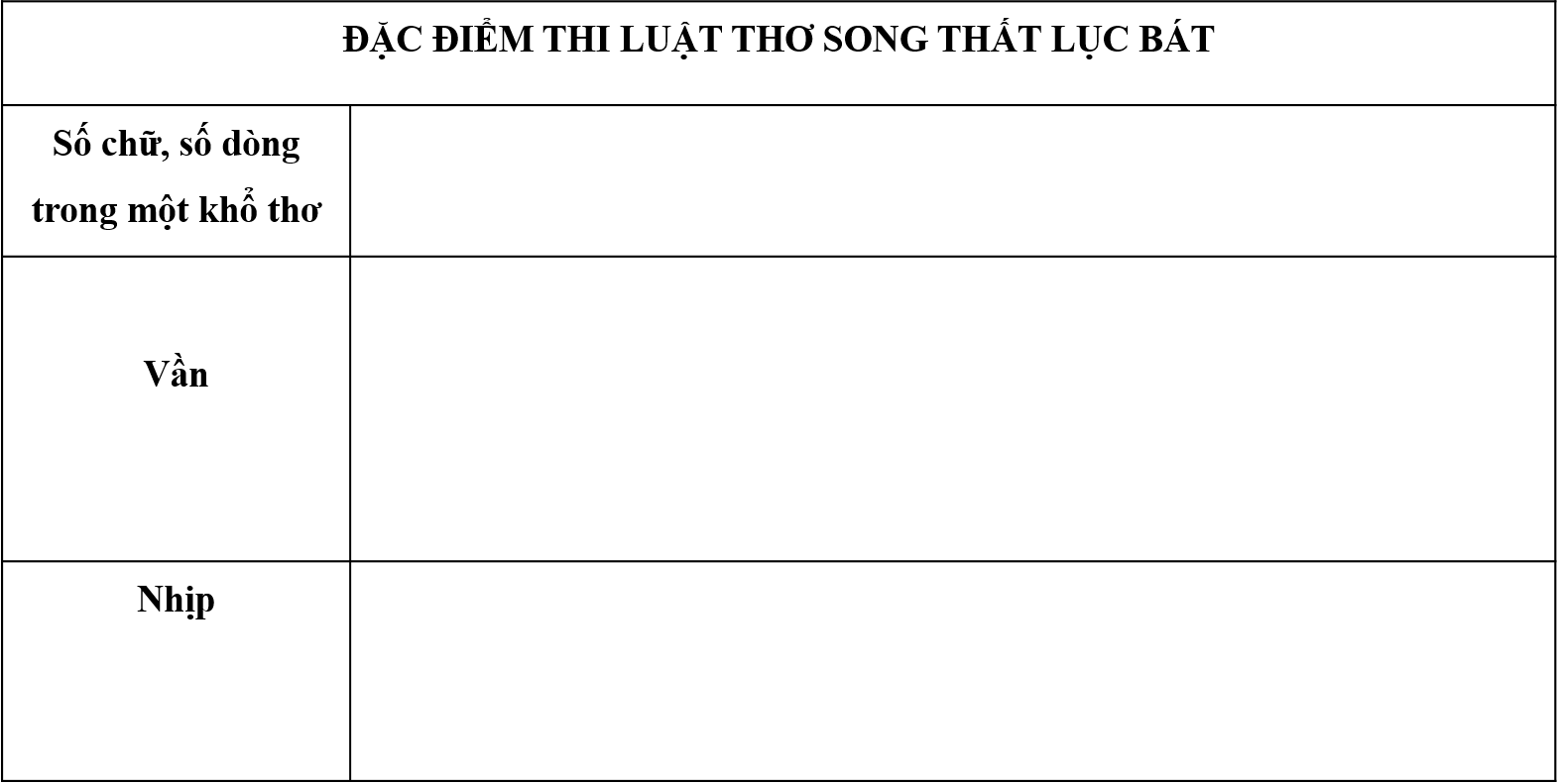
**NV1. Đặc điểm thể thơ song thất lục bát thể hiện qua văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Văn bản thuộc thể thơ gì? Dựa vào đâu em xác định như vậy?  (Thể thơ tự do. Căn cứ: bài thơ có 2 dòng 7 (song thất) và dòng 6 chữ, dòng 8chữ(lục bát)  NV1. Làm việc nhóm  - HS làm việc nhóm: GV chia nhóm 4 – 6 HS.  - GV giao phiếu học tập số 1 (hồ sơ dạy học), HS tự phân nhóm trưởng, thư kí hoàn thiện phiếu thời gian 7p.  - Hết thời gian GV gọi HS ngẫu nhiên đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm.  NV2. Làm việc cá nhân  Nêu đặc điểm thể thơ song thất lục bát thể hiện trong bài thơ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  **-** HS làm việc nhóm và làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo từng nội dung.  - GV theo dõi, hướng dẫn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Nhóm (HS) được gọi cử đại diện trình bày 🡪 nhóm (HS) khác theo dõi, nhận xét và chỉnh sửa hoàn thiện sản phẩm của nhóm  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức, yêu cầu HS hoàn thiện sản phẩm, | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Đặc điểm thể thơ song thất lục bát thể hiện qua văn bản:** |



**HOÀN THÀNH PHT 01**

**Dự kiến sản phẩm PHT số 1**



-Có 4 dòng / khổ

-Mỗi khổ thơ gồm cặp song thất (bảy tiếng) và cặp lục bát (sáu – tám tiếng)

+ Chữ thứ 5 câu 7 đầu tiên vần Bằng (B).

+ Chữ cuối câu 7 đầu tiên ở vần Trắc (T), vần với chữ thứ 5 của câu 7 thứ hai (vần Trắc)

+ Chữ cuối câu 7 thứ hai vần Bằng, vần với chữ cuối câu 6 (vần Bằng)

+ Chữ cuối câu 6 vần Bằng, vần với chữ thứ 6 câu 8 (vần Bằng)

Hai dòng thất được ngắt nhịp lẻ, thường là 3/4; dòng lục và dòng bát ngắt nhịp linh hoạt hơn (dòng lục thường ngắt nhịp 2/2/2, dòng bát thường ngắt nhịp 2/2/2/2).

**GV chốt:**

Tiếng cuối của dòng thất đầu tiên hiệp vần với tiếng thứ năm của dòng thất tiếp theo (vần trắc). Tiếng cuối của dòng thất tiếp theo hiệp vần với tiếng cuối của dòng lục (vần bằng). Tiếng cuối của dòng lục hiệp vần với tiếng thứ sáu của dòng bát (vần bằng). Tiếng cuối của dòng bát hiệp vần với tiếng thứ năm của dòng thất kế đó (vần bằng) và cứ thế tiếp tục**.**

**Ví dụ:**

*Cha xót phận tuổi già sức yếu (T),*

*Lỡ sa cơ đành chịu (T) bó tay (B),*

*Thân lươn bao quản vũng lầy (B),*

*Giang san gánh vác sau này (B) cậy con (B).*

*Con nên nhớ tổ tôn (B) khi trước****:***

Hai dòng thất được ngắt nhịp lẻ, thường là 3/4; dòng lục và dòng bát ngắt nhịp linh hoạt hơn (dòng lục thường ngắt nhịp 2/2/2, dòng bát thường ngắt nhịp 2/2/2/2).

**Ví dụ:** Cha xót phận/ tuổi già sức yếu,

Lỡ sa cơ/ đành chịu bó tay,

Thân lươn/ bao quản/ vũng lầy

Giang san/ gánh vác/ sau này/ cậy con.

**NV2. Lời khuyên của người cha đối với người con.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi hoàn hành trong 5 phút.  Hết thời gian GV gọi cặp đôi có kết quả tốt nhất trình bày sản phầm  - *Tìm một số từ ngữ, hình ảnh trong văn bản có tác dụng tăng sức cảm hóa, thuyết phục trong lời khuyên của người cha đối với người con?*  *- Em hãy nhận xét về cách gieo vần, ngắt nhịp và cách sử dụng phép điệp từ trong văn bản?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - GV theo dõi, gợi mở.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Cặp đôi được chỉ định cử đại diện trình bày 🡪 cặp đôi khác nhận xét, bổ dung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Gv nhận xét câu trả lời, chốt kiến thức.  Gv chốt:  *Tác dụng của cách gieo vần, ngắt nhịp, cách sử dụng điệp từ, điệp ngữ trong văn bản:*  *- Những thanh trắc ở câu bảy, hiệp vần ở hai câu lục bát làm tăng nhạc tính ở từng khổ thơ.*  *- Gieo vần, ngắt nhịp, điệp từ, điệp ngữ là những biện pháp tu từ quan trọng góp phần tạo nên sự sinh động, hấp dẫn cho văn bản.*  *- Sử dụng hiệu quả các biện pháp tu từ này sẽ giúp tác giả thể hiện rõ ý tưởng, nội dung, tình cảm của mình một cách ấn tượng và lay động người đọc, người nghe.*  *- Lời thơ với giọng điệu thống thiết diễn tả nỗi đau nước mất nhà tan.*  *- Sự đan xen hai câu bảy chữ như trào dâng, dồn dập diễn tả nỗi uất ức, căm hờn*  *- Hai câu lục bát tha thiết, chậm dãi tạo độ sâu lắng, da diết.* | **2. Lời khuyên của người cha đối với người con.**  **a. Từ ngữ , hình ảnh.**  **-Nòi giống cao quý, lịch sử lâu đời, nhiều anh hùng hào kiệt:**  *Giống Hồng Lạc hoàng thiêng đã định*  *Mấy ngàn năm suy thịnh đổi thay.*  *Giời Nam riêng một cõi này.*  *Anh hùng hiệp nữ xưa nay kém gì?*  **-Họa mất nước gieo đau thương cho dân tộc và nỗi đau cho lòng yêu nước:**  *khói lửa bừng bừng* */ xương rừng, máu sông.*  *thành tung quách vỡ*/ *bỏ vợ lìa con.*  **-Trọng trách cứu nước lên vai đứa con:**  *Con ơi! Nhớ đức sinh thành,*  *Sao cho khỏi để ô danh với đời.*  ***=> Người cha xoáy sâu vào sự kích thích lòng yêu nước nơi người con, phải nuôi một mối thù truyền kiếp của dân tộc, luôn trong thế chủ động tìm cơ hội để đánh đuổi giặc cướp nước, chớ dại dột để mất nước dễ dàng, mù quáng.***  **b. Biện pháp tu từ**  Sự lặp lại có tính quy luật 7 – 7 – 6 – 8, vần, nhịp.  + Phép điệp ngữ: *giang san* ***này vẫn*** *giang san****, thời*** *thế* ***có anh hùng là*** *thế****...***  ***+*** điệp cấu trúc ***(Kìa..., Kìa..., Con nên nhớ..., Con nay cũng..., Con đương độ.****)*  - Những thanh trắc ở câu bảy, hiệp vần ở hai câu lục bát làm tăng nhạc tính ở từng khổ thơ.  **=> Gieo vần, ngắt nhịp, điệp từ, điệp ngữ là những biện pháp tu từ quan trọng góp phần tô đậm những dấu ấn vàng son trong lịch sử; đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng, tính cấp thiết của việc giúp nước nhà.** |

**NV3. Mạch cảm xúc và cảm hứng chủ đạo của bài thơ**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Tiếp tục cho HS thảo luận nhóm 4 – 6 thành viên thực hiện nhiệm vụ:  HS xem lại sơ đồ bố cục và mạch cảm xúc, xem lại mục kết cấu của bài thơ phần tri thức đọc hiểu 🡪 hoàn thành sơ đồ kết cấu bài thơ (7p).  Hết thời gian, nhóm có kết quả tốt nhất cử đại diện trình bày sản phẩm.  - *Các nhóm đọc lại bài thơ, xác định bố cục, từ đó xác định mạch cảm xúc, cảm**hứng chủ đạo và điền vào sơ đồ:*    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS lắng nghe thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi nhóm bất kì thuyết trình 🡪 nhóm khác bổ sung, hoàn thiện.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Gv nhận xét câu trả lời, chốt kiến thức. | **3. Mạch cảm xúc và cảm hứng chủ đạo của bài thơ**  **a. Mạch cảm xúc**  **-** Mạch cảm xúc: tình cảm mãnh liệt với đất nước khích lệ lòng yêu nước của đồng bào dân tộc.  **b. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ**  Ca ngợi tình cảm yêu nước, tự hào dân tộc và thể hiện sự đồng tình với quan niệm của người cha về bổn phận của kẻ “làm trai” đối với vận mệnh nước nhà |

**Dự kiến sản phẩm PHT số 2**



**NV4. Chủ đề và thông điệp bài thơ**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** Tìm hiểu chủ đề và thông điệp bài thơ  Hoạt động cá nhân  **GV gợi dẫn:** *Căn cứ xác định chủ đề qua*: Từ ngữ, hình ảnh, cách gieo vần, ngắt nhịp, điệp từ, điệp ngữ, cảm hứng chủ đạo,...  + Bối cảnh không gian: biên ải xa xôi  + Xúc cảm buồn đau được thể hiện bằng một giọng thơ thống thiết, lâm li.  + Những cuộc chiến tranh bảo vệ bờ cõi.  - *Thông điệp văn bản*: Là ý tưởng quan trọng nhất, là bài học cách ứng xử mà văn bản muốn truyền đến người đọc.  **-** *Theo em, tác giả muốn gửi đến người đọc thông điệp gì qua văn bản này****?***  *GV gợi dẫn***:** Tư tưởng của tác phẩm là sự nhận thức, lý giải và thái độ của tác giả đối với toàn bộ nội dung tác phẩm cũng như vấn đề cuộc sống mà con người đặt ra trong tác phẩm.  **-** *Vậy theo em, tác giả muốn gửi đến người đọc chủ đề và thông điệp gì?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo từng nội dung.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS được chỉ định trình bày 🡪 HS khác bổ sung, hoàn thiện.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Gv nhận xét câu trả lời, chốt kiến thức. | **4. Chủ đề và thông điệp bài thơ.**  **a. Chủ đề:**  Lòng yêu nước và niềm đau đáu với vận mệnh dân tộc của người cha  **b. Thông điệp:**  Hãy sống xứng đáng với lịch sử oai hùng của dân tộc, kì vọng của đấng sinh thành, và trách nhiệm của mỗi con người (không phân biệt gái - trai) trong xã hội. |

**Hoạt động 3. Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS:

- Khái quát lại được đặc trưng thể loại và cách đọc văn bản thơ ...

**b. Nội dung**:

- GV cho HS làm việc cá nhân hoặc thảo luận nhóm đôi.

**c. Sản phẩm:**

- Phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -Thiết kế 1 infographic về điểm cần lưu ý khi đọc văn bản thơ  Trên lớp: GV hướng dẫn HS đưa ra những lưu ý khi đọc hiểu văn bản thơ song thất lục bát.  Về nhà: Yêu cầu HS thiết kế infographic (GV đưa mẫu cho HS quan sát)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS làm việc nhóm thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS lên đính vào nhánh của nhóm được giao  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Gv nhận xét câu trả lời, chốt kiến thức. | **III. Tổng kết** |

****

**C.Hoạt động Luyện tập /VẬN DỤNG (**làm việc ở nhà**)**

**a. Mục tiêu:** Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống, cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

**b. Nội dung**: Vẽ sơ đồ tư duy, viết đoạn.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  NV1. Hoàn thiện đặc điểm thể loại thơ dựa vào sơ đồ  GV chia lớp thành 4 nhóm vẽ sơ đồ tư duy câm có 6 nhánh chính lên bảng.  Phân công mỗi nhóm HS hoàn thiện trên giấy A4  Hết thời gian, các nhóm đính lên bảng đúng vị trí nhánh nhóm được giao  NV2.Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) thể hiện tình cảm với người có ảnh hưởng lớn đến em.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS hoạt động cá nhân thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Nộp bài trên zalo lớp học  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **-**Gv nhận xét, chỉnh sửa. | Sơ đồ tư duy, đoạn văn của HS |

**IV. Hồ sơ dạy học**

**PHT số 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẶC ĐIỂM THI LUẬT THƠ SONG THẤT LỤC BÁT** | |
| ***Số chữ, số dòng trong một khổ thơ*** |  |
| ***Vần*** |  |
| ***Nhịp*** |  |

**PHT số 2**

Khổ …

Khổ …………………………………………………..

Khổ …

Khổ …………………………………………………..

Khổ …

Khổ …………………………………………………..

**BỐ CỤC**

**MẠCH CẢM XÚC**

**Cảm hứng chủ đạo**

..................

.................

................. ................. .................

.................

.................

................. ................. ..................

**ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM**

**BỨC THƯ TƯỞNG TƯỢNG**

**(Lý Lan)**

**I. MỤC TIÊU**

***1.Kiến thức:***

- Kết nối với văn bản: *Nỗi nhớ thương của người chinh phụ và Hai chữ nước nhà.*

***2.Về năng lực:***

**a. Năng lực đặc thù**

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung văn bản.

- Liên hệ, kết nối với văn bản: *Nỗi nhớ thương của người chinh phụ và Hai chữ nước nhà.*

**b. Năng lực chung**

*- Năng lực tự chủ và tự học*: tự nghiên cứu bài ở nhà; tìm kiếm nguồn học liệu qua các kênh sách hoặc trên internet; hoàn thành các phiếu học tập được giao; tự đánh giá và đánh giá, tranh luận, phản biện qua các hoạt động nhóm.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác*: biết lựa chọn nội dung, ngôn từ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp, phát triển khả năng làm việc nhóm.

*- Năng lực giải quyết vấn đề:* phối hợp, vận dụng những kinh nghiệm của bản thân, kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống trong học tập.

***3. Về phẩm chất:***

*- Yêu nước:* Yêu quê hương đất nước, tự hào với truyền thống đấu tranh giữ nước của dân tộc.

*- Chăm chỉ:* Chăm học, chăm làm, học hỏi những phương pháp mới để phát triển bản thân.

*- Trách nhiệm:* nâng cao ý thức trách nhiệm học tập phát triển bản thân và đóng góp cho xã hội.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Thiết bị dạy học**

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập

**2. Học liệu**

- Tài liệu, video liên quan đến nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :**

**A.HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** *(Dự kiến thời lượng: 5 phút)*

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh kết nối vào nội dung bài học.

**b. Nội dung**: Hướng dẫn HS chia sẻ suy nghĩ của mình về vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS xem các hình ảnh sau:      ? Nêu suy nghĩ, cảm xúc của em sau khi xem các hình ảnh trên vào giấy note.  - Gọi HS chia sẻ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS hoạt động cá nhân: theo dõi, quan sát, suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS trả lời cá nhân  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, chuyển dẫn vào bài | Chia sẻ của học sinh |

**B.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** *(Dự kiến thời lượng: 30 phút)*

**Hoạt động 1. Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu:** Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc.

**b. Nội dung**: GV hướng dẫn HS đọc văn bản

**c. Sản phẩm:** Phần đọc của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS giải thích từ khó trước khi đọc văn bản.  - Văn bản thuộc thể loại nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS lắng nghe làm theo hướng dẫn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  *- HS đọc bài, trả lời cá nhân*  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **-**GV nhận xét cách đọc, uốn nắn những bạn có cách đọc chưa chính xác. | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc văn bản**  **2. Nhận diện thể loại**  - Thể loại: tuỳ bút |

**Hoạt động 2. Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS:

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung văn bản.

- Liên hệ, kết nối với văn bản: *Nỗi nhớ thương của người chinh phụ và Hai chữ nước nhà.*

**b. Nội dung**:

- GV cho HS làm việc cá nhân và thảo luận nhóm

- HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm trưng bày sản phẩm

**c. Sản phẩm:**

- Phiếu học tập, phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**NV1. Tìm hiểu nội dung kết nối chủ đề**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân PHT số 1 trong vòng 5 phút.  - Thảo luận nhóm 4 để hoàn thiện PHT số 1 trong vòng 3 phút.  - Hết thời gian GV gọi nhóm bất kì trình bày.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ  - HS thảo luận nhóm  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gọi 2-3 nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **-**GV nhận xét, chốt kiến thức | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Nội dung bức thư tưởng tượng** |

**PHT số 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung bức thư tưởng tượng** | |
| Nhân vật trung tâm được nhắc đến là ai? |  |
| Một trong những yếu tố quyết định đưòng đời của nhân vật "tôi" là gì? |  |
| Nhân vật "tồi" đã bộc lộ nỗi niềm gì đối với người cha trong bức thư tưởng tượng? |  |
| Theo em, vì sao tác giả lại "viết nó và giấu kín, để chỉ một mình tôi đọc"? |  |

**Dự kiến sản phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung bức thư tưởng tượng** | |
| Nhân vật trung tâm được nhắc đến là ai? | Nhân vật “tôi” |
| Một trong những yếu tố quyết định đưòng đời của nhân vật "tôi" là gì? | Quyển sách có tựa đề *Lê Grăng Cơ,* tác giả Ét-mông-đô Đơ A-mi-xi, được Hà Mai Anh dịch là *Tâm hồn cao thượng.* |
| Nhân vật "tồi" đã bộc lộ nỗi niềm gì đối với người cha trong bức thư tưởng tượng? | Bộc lộ tình cảm yêu thương sâu sắc và lòng tự hào về người cha nghèo khó nhưng lương thiện, rất mực yêu thương, chăm sóc cho con của mình. |
| Theo em, vì sao tác giả lại "viết nó và giấu kín, để chỉ một mình tôi đọc"? | Vì đây là những tâm tư, nỗi niềm sâu kín mà tác giả không muốn chia sẻ trực tiếp với ai. |

**NV2. Thông điệp từ văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV sử dụng kĩ thuật *Think -pair-share*, yêu cầu hs trả lời các câu hỏi sau vào giấy note.  ? Em có hay chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc với người thân không? Nếu có thì bằng cách nào?  ? Qua văn bản này muốn gửi gắm tới người đọc thông điệp gì?  - HS cùng bàn bắt cặp chia sẻ với nhau  - Gọi bất kì HS nào chia sẻ trước lớp  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - HS trao đổi với bạn cùng bàn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **-**Gv nhận xét câu trả lời, chốt kiến thức. | **2. Thông điệp từ văn bản**  - Gia đình luôn là chỗ dựa cho mỗi chúng ta.  - Mọi đứa trẻ luôn khát khao gia đình hạnh phúc.  - Tình cảm cha mẹ dành cho con cái luôn vô bờ bến.  - Ba mẹ là chỗ dựa, luôn bên cạnh con. |

**C.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** *(Dự kiến thời lượng: 10 phút)*

**a. Mục tiêu:** Kết nối nội bài học với hoạt động cụ thể.

**b. Nội dung**: Gv tổ chức trò chơi “*Cất cánh thư tay”.*

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Gv tổ chức trò chơi “*Cất cánh thư tay”.*  - GV yêu cầu mỗi HS viết một bức thư gửi cho ba mẹ hoặc người thân của mình, có trang trí thêm hoa văn.  - Gọi HS xung phong đọc bức thư của mình, ghi điểm cho bức thư viết tốt.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **-**GV nhận xét, đánh giá ý thức làm việc của HS. | **III. LUYỆN TẬP** |

**IV. Hồ sơ dạy học**

**PHT số 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung bức thư tưởng tượng** | |
| Nhân vật trung tâm được nhắc đến là ai? |  |
| Một trong những yếu tố quyết định đưòng đời của nhân vật "tôi" là gì? |  |
| Nhân vật "tồi" đã bộc lộ nỗi niềm gì đối với người cha trong bức thư tưởng tượng? |  |
| Theo em, vì sao tác giả lại "viết nó và giấu kín, để chỉ một mình tôi đọc"? |  |

**Thực hành Tiếng Việt:**

SỰ KHÁC BIỆT VỀ

NGHĨA CỦA MỘT SỐ YẾU TỐ HÁN VIỆT DỄ GÂY NHẦM LẪN

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:***

Sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn.

***2.Về năng lực:***

**a. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn.

**b. Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp, hợp tác:Thể hiện trong việc làm bài tập nhóm đôi ở hoạt động thực hành tiếng Việt.

***3. Về phẩm chất:***

-Có ý thức vận dụng hiểu biết về sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn vào việc học tập và đời sống hằng ngày.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Thiết bị dạy học**

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm

- Phiếu học tập

**2. Học liệu**

- Tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :**

**A.HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** (Dự kiến thời lượng: 5 phút)

**a. Mục tiêu:**

-Xác định được những nội dung muốn tìm hiểu về sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn.

-Xác định được nội dung bài học và nhiệm vụ học tập tiếng Việt cần thực hiện.

**b. Nội dung**:

HS vận dụng kiến thức nền để thực hiện bài tập .

**c. Sản phẩm:**

Câu trả lời của HS về những nội dung muốn tìm hiểu, nội dung bài học và nhiệm vụ cần thực hiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **-Trò chơi VƯỢT CHƯỚNG NGẠI VẬT**  1. Đơn vị dùng để cấu tạo từ Hán Việt là gì?  2. Cho yếu tố “đồng”, hãy tạo nên ít nhất 3 từ Hán Việt?  3. Các yếu tố Hán Việt “đồng” trong các từ Hán việt ( tiểu đồng, đồng tử, đồng phục) khi đọc có âm phát như thế nào ?  4. Giải thích nghĩa của yếu tố Hán Việt “đồng” trong câu: Vân Tiên cùng gã tiểu đồng dời chân ?  5. Cậu bị dãn đồng tử . Yếu tố HV đồng có nghĩa là gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS hoạt động cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS trả lời cá nhân, HS khác bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **-**GV ghi nhận câu trả lời của HS dẫn vào bài  *Hiện tượng đồng âm khác nghĩa và đa nghĩa khá phổ biến trong các yếu tố Hán Việt, vì vậy, khi sử dụng từ Hán Việt, cần phân biệt được các yếu tố Hán Việt đồng âm khác nghĩa, nhận biết được các nghĩa của cùng một yếu tố Hán Việt đa nghĩa.* | Gợi ý:  1. Yếu tố Hán Việt.  2. Tiểu đồng, đồng tử, đồng phục  3.Âm giống nhau  4. Đứa con trai nhỏ theo hầu những người quyền quý thời phong kiến  5.Con ngươi mắt |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC VÀ THỰC HÀNH**

**I. Tri thức tiếng Việt**

**a. Mục tiêu:** Trình bày được sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm hoàn thành nhiệm vụ GV giao

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -GV yêu cầu HS đọc *Tri thức ngữ văn* trong SHS (tr. 65); đọc khung *Nhận biết một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn* trong SHS (tr. 65-66) và cho biết: Các yếu tố Hán Việt nào thường dễ nhầm lẫn? Cho ví dụ. Nêu cách phân biệt nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS đọc SGK và thực hiện nhiệm vụ.  - GV gợi mở (nếu cần)  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS được chỉ định trả lời câu hỏi.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV tổng hợp, chốt kiến thức. | **I. Tri thức tiếng Việt**  **I. Một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn và cách phân biệt**  ***1*. *Một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn***  - Các yếu tố Hán Việt đồng âm.  Ví dụ: đồng 1: đứa trẻ (*tiểu đồng, thư đồng, đồng dao*); đồng 2: con ngươi mắt (*đồng tử*), đồng 3: một loại kim loại (*đồng trụ*).  ***2. Cách phân biệt nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn***  - Dựa vào từ có chứa yếu tố Hán Việt đồng âm để suy luận.  -Tra cứu từ điển tiếng Việt. |

***Một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Yếu tố Hán Việt** | **Nghĩa** | **Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt** |
|  |  |  |
| đồng 1 | đứa trẻ | *hài đồng, thư đồng, đồng dao,...* |
| đồng 2 | con ngươi mắt | *đồng tử,...* |
| đồng 3 | một loại kim loại (kí hiệu Cu) | *đồng trụ,...* |
| đồng 4 | cùng, cùng nhau | *đồng bào, đồng hương, đồng minh, đồng cam cộng khổ,...* |
| Kì 1 | không tầm thường, lạ lùng | *kì ảo, kì diệu, kì quan, kì hoa dị thảo, thần kì, truyền kì, kì hình dị dạng,...* |
| Kì 2 | khác nhau, sai biệt | *kì thị, ý kiến phân kì,...* |
| Kì 3 | thời hạn, thời gian | *chu kì, định kì, thời kì,...* |
| Kì 4 | địa giới, cõi | *Bắc Kỳ, Nam Kỳ,...* |
| Kì 5 | lá cờ | *quốc kì, tinh kì,...* |
| Minh 1 | -sáng sáng suốt làm cho rõ | *minh nguyệt, minh tinh,...*  *minh chủ, minh quân, công minh, cao minh,...*  *minh oan, thuyết minh, minh chứng,...* |
| Minh 2 | -mù mịt, tối tăm  âm phủ liên quan tới việc sau khi chết | *-u minh,...*  *-minh phủ,...*  *- minh hôn, minh thọ, minh khí,...* |
| Minh 3 | -thề  - có quan hệ tín ước | *thệ hải minh sơn,...*  *đồng minh, liên minh,...* |
| Minh 4 | ghi nhớ không quên | *khác cốt minh tâm,...* |

**C.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (Dự kiến thời lượng: 5 phút)

**II. Thực hành tiếng Việt**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn.

**b. Nội dung**:

- GV cho HS làm việc cá nhân và thảo luận nhóm

- HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm trưng bày sản phẩm

**c. Sản phẩm:**

Nội dung trả lời các bài tập trong phần Thực hành tiếng Việtcủa HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV tổ chức:  **Trò chơi hẹn hò**  1. HS tự vẽ đồng hồ lên giấy theo mẫu và ghi đầy đủ thông tin.  - Thông báo luật hẹn  - Hẹn bạn khác tổ  - Mỗi múi giờ hẹn 1 bạn ( không bắt cá 2 tay)  2. Hẹn hò: chúng ta có 5 cuộc hẹn để giải quyết 5 bài tập SGK  - Hẹn 1: (GV hô) tụi mình có hẹn lúc 3h thì các bạn tìm đúng bạn ở múi giờ 3h để gặp gỡ và hoàn thành bài tập số 1.  - Hẹn 2: (GV hô) tụi mình có hẹn lúc 6h thì các bạn tìm đúng bạn ở múi giờ 6h để gặp gỡ và hoàn thành bài tập số 2.  - Hẹn 3: (GV hô) tụi mình có hẹn lúc 9h thì các bạn tìm đúng bạn ở múi giờ 9h để gặp gỡ và hoàn thành bài tập số 3.  - Hẹn 4: (GV hô) tụi mình có hẹn lúc 12h thì các bạn tìm đúng bạn ở múi giờ 12h để gặp gỡ và hoàn thành bài tập số 4.  - Hẹn 5: (GV hô) tụi mình có hẹn lúc 1h thì các bạn tìm đúng bạn ở múi giờ 1h để gặp gỡ và hoàn thành bài tập số 5.  - Sau mỗi cuộc hẹn kết thúc, GV sẽ kiểm tra bất kỳ một bạn trong một cuộc hẹn để các bạn trình bày nội dung của phiếu hẹn, điểm tính cho cả 2.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS làm việc nhóm theo hướng dẫn của GV.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Nhóm được chỉ định cử đại diện báo cáo.  - HS hóm nkhác lắng nghe, trao đổi, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **-**GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức theo từng nội dung. | **II. Thực hành tiếng Việt**  **Bài 1**: Hẹn 1 lúc 3h (5p) Hãy xác định nghĩa của yếu tố Hán Việt "đồng" trong các câu sau:  a.Cuộc chiến giữa phe Đồng minh, dẫn đầu là Anh, Liên Xô, Mỹ và phe Trục phát xít gồm các thế lực chính Đức, Ý, Nhật Bản là cuộc chiến rộng và thảm khốc nhất trong lịch sử nhân loại.  (Theo *Phương Vũ,* Thế chiến II - cuộc chiến khốc liệt nhất lịch sử nhân loại, https://vnexpress.net ngày 7/5/2015)  b.Tiểu đồng thấy vậy thưa qua:  "Gẫm đây cho đến quê nhà còn lâu..."  (Nguyễn Đình Chiểu, Truyện Lục Vân Tiên)  \* Nghĩa của yếu tố Hán Việt "đồng" trong các câu sau:  **a. Đồng minh:** “cùng, cùng nhau”.  => lực lượng cùng đứng về một phía để phối hợp hành động vì mục đích chung  **b. Tiểu đồng:** “đứa trẻ”.  => đứa con trai nhỏ theo hầu những người quyền quý thời phong kiến |

**Bài 2:** Hẹn 2 lúc 6h (5p)

**- Yếu tố Hán Việt "kì" trong các trường hợp dưới đây tương ứng với nghĩa nào?**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nghĩa**  **Từ ngữ** | **Không tầm thường, lạ lùng** | **Khác nhau, sai biệt** | **Thời hạn, thời gian** | **Địa giới, cõi** | **Lá cờ** |
| *kì công* | X |  |  |  |  |
| *quân kì* |  |  |  |  | X |
| *học kì* |  |  | X |  |  |
| *kì thị* |  | X |  |  |  |
| *Trung Kỳ* |  |  |  | X |  |

**Bài 3:** Hẹn 3 lúc 9h (5p)

-Nghĩa của từng yếu tố Hán Việt "minh" trong các trường hợp :

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nghĩa**  **Từ ngữ** | **Sáng** | **Làm cho rõ** | **Sáng suốt** | **Thề** | **Ghi nhớ không quên** |
| *khác cốt minh tâm* |  |  |  |  | X |
| *minh châu* | X |  |  |  |  |
| *biện minh* |  | X |  |  |  |
| *thệ hải minh sơn* |  |  |  | X |  |
| *minh mẫn* |  |  | X |  |  |

**Bài 4:** Hẹn 4 lúc 12h (5p)

Giải thích các từ ngữ Hán Việt sau:

**-Bình minh:**

+ Bình: Bằng phẳng, êm ả.

+ Minh: Sáng, rõ ràng.

=> là lúc trời vừa hửng sáng, còn gọi là rạng đông hay hừng đông. “Minh” ở đây mang nghĩa “sáng”.

**-Văn minh:** là trạng thái tiến bộ về cả vật chất lẫn tinh thần của xã hội loài người, tức là trạng thái phát triển cao của nền văn hoá. “Minh” ở đây mang nghĩa “sáng”.

**-Hắc bạch phân minh:** “hắc” nghĩa là “đen”, “bạch” nghĩa là “trắng”, “phân” nghĩa là “phân biệt, phân định”, “minh” ở đây mang nghĩa “làm cho rõ”. Như vậy, “hắc bạch phân minh” được hiểu là “phân biệt cho rõ trắng đen”.

**Bài 5:** Hẹn 5 lúc 1h (5p)

Phân biệt ý nghĩa của các cặp từ ngữ Hán Việt sau:

Tương đồng/ đồng thời, Đồng thoại/ đồng dao, Đồng bệnh tương lân/ đồng cam cộng khổ

-Tương đồng: Giống nhau về một số điểm, có sự tương đồng nhất định

-Đồng thời: Xảy ra cùng một lúc, song song với nhau

-Đồng thoại :Thể loại truyện kể hư cấu, thường có các nhân vật là động vật, đồ

-Đồng dao : Thể loại thơ ca dân gian, thường được trẻ em truyền miệng

-Đồng bệnh tương lân : Cùng chung một bệnh, cùng gặp một hoàn cảnh khó khăn

-Đồng cam cộng khổ :Cùng chia sẻ, cùng nhau vượt qua khó khăn

**D.HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (Dự kiến thời lượng: 5 phút) (có thể làm ở nhà)

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung**: Nghĩa yếu tố HV đồng âm khác nghĩa..

**c. Sản phẩm:** Bài viết của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Mỗi em viết ra giấy một từ Hán Việt có yếu tố "phi" với những nghĩa sau:  Phi 1 có nghĩa là bay  Phi 2 có nghĩa là không  Phi 3 có nghĩa là vợ vua  -Thời gian: 1 phút  Sau 1 phút GV hô: Ai ở nhóm 1? Ai ở nhóm 2 ? Ai ở nhóm 3 ? Bạn nào tìm từ không đúng thì sang nhóm 4.Bạn nào tìm không đúng từ thì sang nhóm 4. Nhóm 4 nhảy lò cò rồi về chỗ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS hoạt động cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm vào nhóm hẹn  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **-**Gv nhận xét. | **Phi 1** có nghĩa là bay ( phi công, phi đội )  **Phi 2** có nghĩa là không (phi pháp, phi nghĩa)  **Phi 3** có nghĩa là vợ vua (cung phi, vương phi) ..... |

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**PHT bài tập 2**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nghĩa**  **Từ ngữ** | **Không tầm thường, lạ lùng** | **Khác nhau, sai biệt** | **Thời hạn, thời gian** | **Địa giới, cõi** | **Lá cờ** |
| *kì công* | X |  |  |  |  |
| *quân kì* |  |  |  |  | X |
| *học kì* |  |  | X |  |  |
| *kì thị* |  | X |  |  |  |
| *Trung Kỳ* |  |  |  | X |  |

**PHT bài tập 3**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nghĩa**  **Từ ngữ** | **Sáng** | **Làm cho rõ** | **Sáng suốt** | **Thề** | **Ghi nhớ không quên** |
| *khác cốt minh tâm* |  |  |  |  | X |
| *minh châu* | X |  |  |  |  |
| *biện minh* |  | X |  |  |  |
| *thệ hải minh sơn* |  |  |  | X |  |
| *minh mẫn* |  |  | X |  |  |

**Đọc mở rộng theo thể loại:**

**TÌ BÀ HÀNH**

*(Bạch Cư Dị)*



**Tì bà hành**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:***

Chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB.

***2.Về năng lực:***

**a. Năng lực đặc thù**

-Nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so vói thơ lục bát.

-Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.

-Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của ngưòi viết thể hiện qua VB.

-Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

**b. Năng lực chung**

-Năng lực giao tiếp và hợp tác: Lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; nhận ra được ngữ cảnh giao tiếp, đặc điểm, thái độ của đối tượng giao tiếp.

***3. Về phẩm chất:***

Đồng cảm và tôn trọng cảm xúc của người khác.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Thiết bị dạy học**

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm

- Phiếu học tập

**2. Học liệu**

- Tài liệu, hình ảnh liên quan đến nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :**

**A.HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** (Dự kiến thời lượng: 5 phút)

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh kết nối vào nội dung bài học

**b. Nội dung**: GV Sử dụng phần mềm plickers để kiểm tra TN (Quét mã QR trên điện thoại)

Link: https://www.plickers.com/seteditor/newSet

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chiếu câu hỏi lên màn hình:    **Câu 1**: Bài thơ "Tì bà hành" do ai sáng tác ?  A. Đặng Trần Côn  B. Đoàn Thị Điểm  C. Trần Tuấn Khải  D. Bạch Cư Dị  **Câu 2**: Bạch Cư Dị là nhà nước nào ?  A. Việt Nam  B. Trung Quốc  C. Ấn Độ  D. Hàn Quốc  **Câu 3**: Bài thơ "Tì bà hành" viết theo thể thơ nào ?  A. Song thất lục bát  B. Thơ bảy chữ  C. Thơ Đường  D. Thơ tự do  **Câu 4**:Số dòng, số chữ trong thơ song thất lục bát ?  A. Hai câu bảy chữ  B. Một câu 6 chữ, một câu 8 chữ  C. Vần gieo theo luật thơ  D. Cả A,B,C đều đúng  **Câu 5**:Khi đọc thơ song thất lục bát em chú ý :  A. Từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ  B. Kết cấu bài thơ  C. Tình cảm, cảm xúc chủ đạo bài thơ  D. Cả A,B,C đều đúng  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS chọn đáp án bằng bảng mã QR  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  Kết quả kiểm tra từng HS qua danh sách lớp hiện lên màn hình  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **-**GV nhận xét, dẫn dắt vào bài ... | **Dự kiến kết quả**  **Câu 1**: Bài thơ "Tì bà hành" do ai sáng tác ?  D. Bạch Cư Dị  **Câu 2**: Bạch Cư Dị là nhà nước nào ?  B. Trung Quốc  **Câu 3**: Bài thơ "Tì bà hành" viết theo thể thơ nào ?  A. Song thất lục bát  **Câu 4**:Số dòng, số chữ trong thơ song thất lục bát ?  D. Cả A,B,C đều đúng  **Câu 5**:Khi đọc thơ song thất lục bát em chú ý :  D. Cả A,B,C đều đúng |

**B.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** *(Dự kiến thời lượng: 30 phút)*

**Phần I. Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu:** Báo cáo sản phẩm đọc mở rộng theo thể loại tại lớp..

**b. Nội dung**:

**-** Đọc diễn cảm văn bản.

- Nêu đôi nét sơ lược về Bạch Cư Dị.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của cặp nhóm HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS giải thích từ khó trước khi đọc văn bản.  - GV yêu cầu HS đọc thầm văn bản, trao đổi với bạn bên cạnh hoặc GV vấn đề còn khúc mắc. (4p)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS làm việc theo nhóm cặp.  - GV quan sát, gợi mở (nếu cần).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Đại diện nhóm báo cáo.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của từng nhóm HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc văn bản**  **2. Nhận diện thể loại:**  Thơ song thất lục bát |

**Hoạt động 2. Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

**b. Nội dung**:

(1) Tìm hiểu tiếng đàn và cách miêu tả tiếng đàn trong VB.

a. Phân tích cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh khác nhau để thể hiện cảm xúc của người ca nữ trong những lần nàng đánh đàn:

|  |  |
| --- | --- |
| **Các lần đánh đàn** | **Nhận xét** |
| Lần 1: | … |
| Lần 2: | … |
| Lần 3: | … |

b. Có thể xem tác giả – người nghe đàn là tri âm của người ca nữ đánh đàn được không? Căn cứ vào đâu để có thể khẳng định như vậy?

……………………………………………………………………………………………

(2) Nêu mạch cảm xúc của VB.

|  |  |
| --- | --- |
| **Bố cục** | **Mạch cảm xúc** |
| Phần 1 (từ dòng 1 đến dòng 12) | … |
| Phần 2 (từ dòng 13 đến dòng 40) | … |
| Phần 3 (từ dòng 77 đến dòng 88) | … |

(3) Xác định chủ đề và cảm hứng chủ đạo của VB ?

(4) Nêu thông điệp của VB.

**c. Sản phẩm:**

Phiếu học tập của HS, câu trả lời của nhóm HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**NV1. Tiếng đàn, cách miêu tả tiếng đàn :**

**a.Từ ngữ, hình ảnh, BPTT :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung (1)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS hoạt động cá nhân: 2 phút  - HS thảo luận nhóm: 3 phút  - GV theo dõi, hướng dẫn HS (nếu cần)  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Đại diện nhóm báo cáo.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét về thái độ học tập và kết quả làm việc của từng nhóm HS. Chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **1. Tiếng đàn, cách miêu tả tiếng đàn :**  **a.Từ ngữ, hình ảnh, BPTT :**  (PHT số 1) **b.Tình cảm của tác giả :** (PHT số 1) |

PHT SỐ 1

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ ngữ, hình ảnh, BPTT** | **Nhận xét** |
| **\*Lần 1:** ...................................................... | ...................................................................... |
| **\*Lần 2:** ...................................................... | ..................................................................... |
| **\*Lần 3:** ...................................................... | ..................................................................... |
| \*Tình cảm của tác giả: ............................... | |

# **Dự kiến sản phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ ngữ, hình ảnh, BPTT** | **Nhận xét** |
| **\*Lần 1:** Đàn ai nghe vẳng ven sông... Dừng dây tơ nấn ná làm thinh. | Tiếng đàn được tả văng vẳng từ xa và im bặt khi có người hỏi thăm |
| **\*Lần 2:** **Tiếng đàn đã gần kề ngay bên tai:** Vặn đàn mấy tiếng dạo quaDẫu chưa nên khúc tình đà thoảng bayNgón buông bắt khoan khoan dìu dặtTrước Nghê thường sau thoắt Lục yêu.Dây to dường đổ mưa rào,Nỉ non dây nhỏ khác nào chuyện riêng.Tiếng cao thấp lựa chen lần gảy,Mâm ngọc đâu bỗng nảy hạt châu...Bình bạc vỡ tuôn đầy dòng nước,Ngựa sắt giong, xô xát tiếng đao | -Nghệ thuật so sánh, ẩn dụ, từ láy-Tiếng đàn biến hoá linh hoạt không ngừng, lúc được ví như mưa rào, như câu chuyện thầm thì, như hạt châu nảy trên mâm ngọc, như tiếng chim hót, như nước suối tuôn; lúc lại như xé lụa: Bình bạc vỡ tuôn đầy dòng nước/ Ngựa sắt giong, xô xát tiếng đao... |
| **\*Lần 3:** **Tiếng đàn lại vang lên:**Nghe não ruột khác tay đàn trướcKhắp tiệc hoa sướt mướt lệ rơi. | -Tiếng đàn ấy "não ruột", muốn "giãi bày hết nỗi trước sau muôn vàn", trải lòng về một cuộc đời sóng gió, thăng trầm của người ca nữ.-Những câu thơ miêu tả âm thanh nhưng lại tràn ngập hình ảnh, đắm đuối mê say, rung động lòng người. Cả người nghe lẫn người diễn tấu đều bị chinh phục bỏi sức mạnh kì diệu của tiếng đàn. |
| **\*Tình cảm của tác giả:** Tác giả - người nghe đã tiếp nhận tiếng đàn từ xa đến gần, tiếng đàn lúc đầu là đối tượng thưởng thức, sau đã trở thành sự đồng điệu, đồng cảm, hoà làm một với tâm tình của tác giả. | |

# **NV2.Mạch cảm xúc của văn bản.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung (2)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS hoạt động cá nhân  - GV theo dõi, hướng dẫn HS (nếu cần)  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Đại diện nhóm báo cáo.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét về thái độ học tập và kết quả làm việc của từng nhóm HS. Chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **2.Mạch cảm xúc của văn bản.** -Mạch cảm xúc của bài thơ thể hiện qua bố cục chặt chẽ của VB |

PHT SỐ 2

|  |  |
| --- | --- |
| **Bố cục** | **Mạch cảm xúc** |
| Phẩn 1 (từ dòng 1 đến dòng 12) |  |
| Phẩn 2 (từ dòng 13 đến dòng 40) |  |
| Phần 3 (từ dòng 77 đến dòng 88) |  |

**Sản phẩm dự kiến**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bố cục** | **Mạch cảm xúc** |
| Phẩn 1 (từ dòng 1 đến dòng 12) | Nỗi buồn man mác trong khung cảnh đêm khuya trên bến Tẩm Dương văng vẳng tiếng đàn |
| Phẩn 2 (từ dòng 13 đến dòng 40) | Cảm xúc trào dâng theo tiếng đàn nhiều cung bậc như chính cuộc đời ba chìm bảy nổi của người ca nữ |
| Phần 3 (từ dòng 77 đến dòng 88) | Cảm xúc lắng đọng của những người đồng điệu, tri âm |

# **NV3.Chủ đề và cảm hứng chủ đạo của văn bản.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung (3)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS hoạt động nhóm đôi  - GV theo dõi, hướng dẫn HS (nếu cần)  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  -HS báo cáo kết quả  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét về thái độ học tập và kết quả làm việc của từng nhóm HS. Chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **3.Chủ đề và cảm hứng chủ đạo của văn bản.** -**Chủ đề**: Sự đồng cảm với nỗi niềm và thân phận ngưòi ca nữ.  -**Cảm hứng chủ đạo**: Cảm húng về sự đồng điệu giữa nhũng cảm xúc đẹp đẽ và sâu lắng giữa người chơi đàn và ngưòi nghe đàn. |

# **NV4.Thông điệp của văn bản.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung (4)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS hoạt động nhóm đôi  - GV theo dõi, hướng dẫn HS (nếu cần)  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS báo cáo kết quả  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét về thái độ học tập và kết quả làm việc của từng nhóm HS. Chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | **4.Thông điệp .** -Nghệ thuật cần có sự đồng cảm giữa nghệ sĩ và ngưòi nghe. |

**C.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP/VẬN DỤNG** (Dự kiến thời lượng: 5 phút)

**(làm việc ở nhà)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức đã học.

**b. Nội dung**: Chọn một đoạn thơ (từ tám đến mười hai dòng) trong bài thơ và làm rõ một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát được thể hiện trong đoạn đó.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS,

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

Chọn một đoạn (từ tám đến mười hai dòng) trong bài thơ và làm rõ một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát được thể hiện trong đoạn đó.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện bài tập ở nhà.

**Bước 3: Báo cáo/ thảo luận**

- Hs báo cáo kết quả qua Zalo lớp

**Bước 4: *Kết luận/ Nhận định***

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

**Dự kiến sản phẩm**

Hãy ngồi lại gảy chơi khúc nữa,

Sẽ vì nàng soạn sửa bài ca”.

Đứng lên dường cảm lời ta,

Lại ngồi lựa phím đàn đà kíp dây?.

Nghe não nuột khác tay đàn trước,

Khắp tiệc hoa sướt mướt lệ rơi.

Lệ ai chan chứa hơn người?

Giang Châu Tư mã đượm mùi áo xanh?

(Trích Tì bà hành-Bạch Cư Dị)

**Đặc điểm thi luật của thơ song thất lục bát**

|  |  |
| --- | --- |
| **Yếu tố** | **Phân tích** |
| **Số chữ** | - Hai dòng thất (7 chữ) ; 1 câu 6 chữ và 1 câu 8 chữ. |
| **Số tiếng** | - Hai câu đầu (câu 1 và 2) có 7 tiếng (2 câu thất).  - Hai câu tiếp theo (câu 3 và 4) có 6 tiếng (câu lục), 8 tiếng (câu bát).  - Hai câu tiếp theo nữa (câu 5 và 6) có 7 tiếng (2 câu thất).  - Hai câu cuối cùng (câu 7 và 8) có 6 tiếng (câu lục), 8 tiếng (câu bát). |
| **Gieo vần** | Câu 1-2: Vần trắc (nữa-sửa)  Câu 2-3: Vần bằng (ca-ta)  Câu 3-4: Vần bằng (ta-đà)  Câu 4-5: Vần bằng ( dây-tay)  Câu 5-6: Vần trắc (trước-mướt)  Câu 6-7: Vần bằng (rơi-người) |
| **Ngắt nhịp** | Hai dòng thất đưọc ngắt nhịp lẻ, thường là 3/4; dòng lục ngắt nhịp 2/2/2, dòng bát ngắt nhịp 2/2/2/2). |
| **Từ ngữ, BPTT** | ....... |

**IV. Hồ sơ dạy học**

**Viết:**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

**PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:***

Nhận biết được yêu cầu của bài văn phân tích một tác phẩm văn học

***2.Về năng lực:***

**a. Năng lực đặc thù**

-Biết viết bài bảo đảm các bước: Chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

-Viết được một VB nghị luận phân tích một tác phẩm thơ: Phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ của nó.

**b. Năng lực chung**

-Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

-Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.

***3. Về phẩm chất:***

-Bồi dưỡng tình cảm thẩm mĩ đối với những tác phẩm văn học đặc sắc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm

- Phiếu học tập

**2. Học liệu**

- Tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A.HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (***Dự kiến thời lượng: 5 phút***)**

**a. Mục tiêu:**

- Tạo hứng thú cho HS vào bài học mới.

- Xác định được nhiệm vụ viết.

**b. Nội dung**:

-Trò chơi "Ai nhanh hơn "

**c. Sản phẩm:**

-Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \* Giao nhiệm vụ học tập:  Trò chơi “ AI NHANH HƠN”  -HS nào giơ tay nhanh nhất sẽ được quyền trả lời, trả lời đúng sẽ được tặng một “Sao học tập”.  Câu 1- Hãy kể tên những bài thơ em đã được học trong bài 8 (Những cung bậc cảm xúc) ?  Câu 2- Trong những tác phẩm trên, em thích nhất tác phẩm nào? Vì sao?  Câu 3- Để người đọc hiểu rõ về tác phẩm VH mà em yêu thích, em sử dụng kiểu bài viết nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  Cá nhân HS theo dõi câu hỏi, suy nghĩ và tìm ra câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  Câu trả lời của HS  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét hoạt động của HS và dẫn dắt vào bài học mới: Mỗi một tác phẩm văn học đều mang lại cho người đọc những rung cảm thẩm mĩ tuyệt vời. Đọc, thưởng thức một tác phẩm văn học là cách mà người ta bồi dưỡng thế giới tinh thần và tạo ra nguồn cảm hứng tốt đẹp cho cuộc sống. Vậy để nói lên những cảm xúc của mình sau khi đọc một tác phẩm văn học, hay cụ thể là đọc một bài thơ hay, chúng ta nên sử dụng kiểu bài viết: Phân tích một tác phẩm văn học. | Chia sẻ của HS |

**B.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (***Dự kiến thời lượng: 75 phút***)**

**Hoạt động 1. Tìm hiểu tri thức về kiểu bài** (Nhắc lại KT nền)

**a. Mục tiêu:**

Trình bày được những hiểu biết về kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (đã học ở Bài 2. Giá trị của văn chương, Ngữ văn 9, tập một).

**b. Nội dung**:

Văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học

**c. Sản phẩm:**

Câu trả lời của HS trình bày hiểu biết về bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học và sơ đồ yêu cầu của kiểu bài hs đã thực hiện ở nhà.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS nhắc KT đã học qua việc trả lời các câu hỏi:  +Thế nào là bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học?  +Yêu cầu đối với kiểu bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học là gì?  +Bố cục kiểu bài ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  -Đại diện 2 – 3 HS trình bày câu trả lời, HS có thể kiểm tra chéo phần vẽ sơ đồ ở nhà, đối chiếu với đáp án của GV.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **-**GV góp ý cho câu trả lời của HS, hướng dẫn HS kết luận vấn đề. | **I. Tìm hiểu tri thức về kiểu bài**  (HS nhắc lại kiến thức nền)  **1. Khái niệm**: Phân tích một tác phẩn văn học thuộc kiểu bài NLVH, trong đó người viết dùng lí lẽ, bằng chứng để làm rõ chủ đề và một số nét đặc sắc về hình thực nghệ thuật của tác phẩm.  **2. Yêu cầu đối với kiểu bài**  *-Về nội dung*: phân tích được nội dung chủ đề; nêu và phân tích được tác dụng của những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật đối với việc thể hiện nội dung.  *-Về hình thức*: lập luận chặt chẽ, có bằng chứng tin cậy từ tác phẩm, diễn đạt mạch lạc, sử dụng các phương tiện liên kết hợp lí để giúp người đọc nhận ra mạch lập luận của văn bản.  **3.Bố cục**  + **Mở bài**: giới thiệu về tác phẩm văn học (tên tác phẩm, tác giả), nêu ý kiến khái quát về chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.  + **Thân bài**: lần lượt trình bày các luận điểm làm nổi bật chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong tác phẩm và tác dụng của nó đối với việc thể hiện nội dung tác phẩm.  + **Kết bài**: khẳng định lại ý kiến về chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm; nêu suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm cá nhân hoặc bài học rút ra từ tác phẩm. |

**Phần II. Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:**

Phân tích được đặc điểm của kiểu bài thể hiện qua ngữ liệu tham khảo, từ đó khái quát được đặc điểm của kiểu bài.

**b. Nội dung**:

Bài văn phân tích, đánh giá tác phẩm Trong lời mẹ hát (Trương Nam Hương).

**c. Sản phẩm:**

Câu trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích ngữ liệu tham khảo trong SGK và sơ đồ kiểu bài.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS đọc văn bản tham khảo trong SGK  (1) HS đọc VB “Bài văn phân tích, đánh giá tác phẩm Trong lời mẹ hát (Trương Nam Hương)”, đối chiếu các chỉ dẫn trong VB với khung phân tích bố cục và đặc điểm của kiểu VB bên lề phải trang sách.  (2) Trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích ngữ liệu tham khảo trong SGK.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  Đại diện 2 – 3 nhóm đôi HS trình bày ý kiến trước lớp. Các nhóm khác nhận xét, góp ý và nêu câu hỏi (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **-**GV nhận xét cho câu trả lời của HS theo gợi ý sau: (1) và (2): | **II. Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**  **1. Đọc văn bản mẫu**  *Bài văn phân tích, đánh giá tác phẩm "Trong lời mẹ hát" của Trương Nam Hương.*  **2. Phân tích mẫu**  **\**Mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng***  **-Luận đề:** *Giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ Trong lời mẹ hát (Trương Nam Hương)*  **-Luận điểm:**  **Luận điểm 1:** Chủ đề ý nghĩa lời ru và các khía cạnh nội dung của chủ đề.  -Lí lẽ  -Bằng chứng.  **Luận điểm 2:**Những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng thể hiện chủ đề  -Lí lẽ  -Bằng chứng.  ***\*Nhận xét:***  Khi viết bài văn NL phân tích một tác phẩm thơ, cần PT nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức NT của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ của nó. |

Mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB dựa vào PHT số 1:

**Dự kiến PHT số 1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **LUẬN ĐỀ:**  **Giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ Trong lời mẹ hát (Trương Nam Hương)** | | | |
| **Luận điểm 1:**  **Chủ đề ý nghĩa lời ru và các khía cạnh nội dung của chủ đề** |  | **Lý lẽ** | **Bằng chứng** |
| -Trước hết, đó là âm hưởng ca dao, cổ tích mở ra một thẻ giới tuỗi thơ ngọt ngào | -Lời ru của mẹ như dòng sông kì diệu đưa con vào thế giới ca dao, có tích đầy màu sắc.  -Từ lời ru, mẹ đã đưa con đến gần với vẻ đẹp của quê hương, đất nước đế biết trân trọng, yêu thương đất nước mình. | -Tuổi thơ chở đầy cổ tích  Dòng sông lời mẹ ngọt ngào  *-*"cánh cò trắng, dải đồng xanh" "vàng hoa mướp" "khóm trúc, lùm tre huyền thoại" "vấn vít dây trấu".( |
| -Trong lời mẹ hát, con hiểu được những vất vả, truân chuyên của cuộc đời mẹ, càng thêm kính yêu tấm lòng mẹ cao cả. | - lời ru của mẹ hoà cùng tiêng cối, hoà cùng tiêng gió dập dờn sóng lúa, nhờ đó, đứa con thơ -hiểu được sự vất vâ, nhọc nhằn của mẹ .  - Cả một đời hí sinh, khổ đau, nhưng tình yêu thương của mẹ mãi đong đầy | -*Con nghe thập thình tiếng cối/Mẹ ngồi giã gạo ru con"*  *-"Con nghe dập dờn sóng lúa/Lời ru hoá hạt gạo rồi"*  *-biết "thương mẹ một đời khốn khó" "thương mẹ một đời cay đắng"*  *-"giàu những tiếng ru nôi"' 'trìu mến đưa con vào giấc ngủ/ lời mẹ vẫn"thào thơm"* |
| -Trong lời mẹ hát, còn là lòng biết ơn, tình yêu thương và sự thấu hiếu của con với mẹ. | -Vị trí thứ nhất, khi còn ấu thơ, nhỏ bé nằm trên cánh võng cảm nhận khúc ru.  -Vị trí thứ hai, khi đã trưởng thành, hồi tưởng lại đế nhận thức, thấm thía giá trị của lời ru và sự cao cả của lòng mẹ, -Câu thơ vừa là một sự biết ơn nguồn cội, biết ơn mẹ, vừa là một ước mơ, một khát vọng, một lời hứa đến tương lai. | - "Lời ru chắp con đôi cánh/ Lớn rồi con sẽ bay xa". |
| **Luận điểm 2:**  **Những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng thể hiện chủ đề** | Trước hết là sự kết hợp nhuần nhuyễn các hình ảnh giàu sức gợi. | -Màu tóc mẹ bạc tráng in hằn dấu vết thời gian, cũng gợi ra những vất vả, gian truân của đời mẹ và sự thốn thức, "nôn nao" nỗi lòng thương xót của con. | -"Thời gian chạy qua tóc mẹ/ Một màu trắng đến nôn nao"  -"Lưng mẹ cứ còng dần xuống/ Cho con ngày một thêm cao" |
| Điều tôi ấn tượng về nghệ thuật của *Trong lời mẹ hát cò*n là âm hưởng êm dịu, tha thiết bao trùm toàn bài thơ | -tạo nên điệp khúc da diết, dật dìu,  -đang nghe nhạc điệu êm đềm của lời ru cũng như khúc nhạc lòng da diết của tình mẫu tử.( | -thể thơ sáu chữ'  -sự kết hợp hài hoà của nhịp 2/2/2,2/4,3/3  -*(.ngọt ngào, ca dao, con gái, hương cau*,...) |
| **Nhận xét:-**Các lí lẽ và bằng chứng làm rõ chủ đề tác phẩm.Những hình ảnh thơ và âm hưởng toàn bài thơ góp phần làm rõ nét đặc sắc NT của tác phẩm thơ. | | | |

***Kết luận:***

- Kiểu bài phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ khác với tác phẩm truyện ở chỗ đặc điểm hình thức của thể loại (*từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ*...)

-Khi viết bài văn NL phân tích một tác phẩm thơ, cần PT nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức NT của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ của nó.

**Phần III. Hướng dẫn quy trình viết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS:

- Nhận biết được những thao tác cần làm, những lưu ý khi thực hiện các bước trong quy trình viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học.

**b. Nội dung**:

- Sử dụng PHT giúp HS nắm bắt được quy trình viết.

**c. Sản phẩm:**

- Phiếu học tập, phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -Hoàn thành PHT số 2   |  |  | | --- | --- | | **Quy trình viết** | **Thao tác cần làm** | | **Bước 1: *Chuẩn bị trước khi viết*** | **Xác định mục đích, người đọc, nội dung và cách viết**  … | | **Thu thập tư liệu**  … | | **Bước 2:**  ***Tìm ý và lập dàn ý*** | **Tìm ý**   |  |  | | --- | --- | | **PHÂN TÍCH BÀI THƠ**  **1. Tên bài thơ:** …  **2. Tên tác giả:** …  **3. Chủ đề bài thơ:** …  **4. Những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng:** | | | **Hình thức nghệ thuật** | **Tác dụng đối với việc thể hiện nội dung** | |  |  | |  |  | |  |  | | | **Lập dàn ý**  … |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS theo dõi, thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Với hoạt động chuẩn bị trước khi viết: đại diện 1 2 học sinh trình bày câu trả lời trước lớp.  - Với hoạt động tím ý và lập dàn ý: đại diện 1 2 nhóm đô trình bày dàn ý sau khi đã nhận xét cho nhau.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **-**GV nhận xét, đánh giá chốt kiến thức. | **III. Hướng dẫn quy trình viết**  ***Đề bài:*** *Hãy viết bài văn nghị luận phân tích một bài thơ mà em yêu thích, làm rõ chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiểu quả thẩm mỹ của nó.*  **Bước 1. Chuẩn bị trước khi viết**  **Bước 2. Tìm ý và lập dàn ý** |

**Dự kiến sản phẩm phiếu tìm ý**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU TÌM Ý**  **Phân tích bài thơ: chủ đề và nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật bài "Khóc Dương Khuê " của Nguyễn Khuyến.**  **1. Tên bài thơ:**  Khóc Dương Khuê  **2. Tên tác giả:**  Nguyễn Khuyến  **3. Chủ đề bài thơ:** Nỗi lòng thương tiếc, xót xa của mình dành cho người bạn quá cố.  **4. Một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật:** | |
| **Hình thức nghệ thuật** | **Tác dụng** |
| -Cách nói giảm: Bác Dương thôi đã thôi rồi!  -Biện pháp nhân hóa: Nước mây man mác.  -Cách nói so sánh: Tuổi già giọt lệ như sương.  -Các câu hỏi tu từ trong đoạn cuối bài thơ. Hàng loạt các câu thơ như: Làm sao bác vội về ngay; Vội vàng sao đã mải lên tiên, ...  -Cách sử dụng lối liệt kê: Có lúc, có khi, cũng có khi…  -Ngoài ra, tác giả đã dùng một loạt điển tích, điển cố về tình bạn tri âm | - Nhằm làm giảm đi những mất mát đau thương.  -Nhằm diễn tả sự ra đi của bạn cũng khiến đất trời thương xót.  - Gợi hình , gợi cảm ...  -Để rồi lắng đọng trong những câu thơ hụt hẫng, chơi vơi:  -Nhằm tái hiện những kỉ niệm về tình bạn thân thiết và tấm lòng của nhà thơ đối với bạn.  -Diễn tả nỗi đau mất bạn một cách sâu sắc ở đoạn thơ cuối cùng. |

**Dàn ý**

**a. Mở bài:**

- Nguyễn Khuyến và Dương Khuê sinh thời là hai người bạn cực kỳ thân thiết và thấu hiểu lẫn nhau.

- Khi nghe hung tin Dương Khuê mất vì bệnh nặng, Nguyễn Khuyến đã hết sức bàng hoàng và đau buồn. Nguyễn Khuyến đã viết bài thơ Khóc Dương Khuê để tỏ nỗi lòng thương tiếc, xót xa của mình dành cho người bạn quá cố.

**b. Thân bài**

**\* Sơ lược về Dương Khuê:**

- Dương Khuê (1839-1902), tự Giới Nhu, hiệu Vân Trì, là người văn hay chữ tốt, cùng đỗ Cử Nhân cùng khóa với Nguyễn Khuyến, đỗ Tiến sĩ năm 1868 rồi ra làm quan, tuy nhiên cuộc đời làm quan của ông có nhiều thăng trầm bất định

- Các tác phẩm của ông gồm có cả thơ chữ Hán, nhưng ca trù lại mang lại cho ông sự nổi tiếng hơn cả ví như có bài Gặp lại cô đầu cũ.

**\* Luận điểm 1**. Đặc sắc nghệ thuật:

+Thể thơ song thất lục bát, đậm đà bản sắc dân tộc

+Ngôn ngữ bình dị, dễ hiểu

+Sử dụng kết hợp các biện pháp nghệ thuật:

-Cách nói giảm: Bác Dương thôi đã thôi rồi!

-Biện pháp nhân hóa: Nước mây man mác.

-Cách nói so sánh: Tuổi già giọt lệ như sương.

-Các câu hỏi tu từ trong đoạn cuối bài thơ. Hàng loạt các câu thơ như: Làm sao bác vội về ngay; Vội vàng sao đã mải lên tiên, ...

-Cách sử dụng lối liệt kê: Có lúc, có khi, cũng có khi…

-Ngoài ra, tác giả đã dùng một loạt điển tích, điển cố về tình bạn tri âm

**\* Luận điểm 2**: Chủ đề văn bản

-Bài thơ Khóc Dương Khuê mang một nỗi niềm tiếc nuối sâu sắc về một tình bạn tri kỉ, góp phần khẳng định về tình cảm giữa những con người với nhau.

- Chứng minh qua các yếu tố (*từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ*...)

**c. Kết bài:**

- Bài thơ đã để lại cái nhìn cao đẹp về tình bạn cũng như nhân cách cao đẹp của Nguyễn Khuyến.

**C.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (***Dự kiến thời lượng: 5 phút***)**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS:

Xác định được mục đích, người đọc, nội dung và cách viết, thu thập tư liệu cần thiết, chuẩn bị cho việc viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.

**b. Nội dung**:

- Sử dụng các bước trong quy trình viết.

**c. Sản phẩm:**

- Phiếu học tập, phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -Dựa vào PHT2, tiếp tục hoàn thành bài viết nghị luận phân tích một bài thơ mà em yêu thích, làm rõ chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiểu quả thẩm mỹ của nó.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS hiện nhiệm vụ bài viết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Với hoạt động viết bài và xem lại, chỉnh sửa, rút kinh nghiệm: học sinh trình bày bài viết, các học sinh khác nhận xét góp ý và nêu câu hỏi (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **-**GV nhận xét, đánh giá chốt kiến thức. | **IV. Luyện tập**  ***Đề bài:*** *Hãy viết bài văn nghị luận phân tích một bài thơ mà em yêu thích, làm rõ chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiểu quả thẩm mỹ của nó.*  **Bước 3. Viết bài**  Triển khai bài viết dựa trên dàn ý đã lập.  **Bước 4. Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**  (Xem bảng kiểm ... )  **\*Rút kinh nghiệm:**  1.Em thích điều gì ở bài viết này?  2.Bài viết này nên điều chỉnh những gì để đáp ứng yêu cầu của kiểu bài? |

**D.HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (***Dự kiến thời lượng: 5 phút***)**

**a. Mục tiêu:**

- Vận dụng được quy trình viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học vào việc tạo lập văn bản.

- Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

**b. Nội dung**: GV giao nhiệm vụ hướng dẫn HS thực hiện.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Từ bài viết đã được đọc, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm trên lớp, GV cho HS về nhà lựa chọn 1 trong 2 nhiệm vụ:  - Sửa lại bài viết hoàn chỉnh và công bố.  - Chọn 1 bài thơ khác để viết bài và công bố.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  Cá nhân học sinh về nhà tự thực hiện chỉnh sửa bài viết hoặc viết bài mới.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  Học sinh công bố bài viết đã sửa hoặc bài viết mới trên trang cá nhân, trang web của lớp, trên bảng thông tin học tập của lớp…  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **-**GV nhận xét thái độ tích cực, chủ động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao**.** | Sản phẩm của HS |

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**PHT số 1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **LUẬN ĐỀ:**  .................................................................................................................................................... | | | |
| **Luận điểm 1:**  **Chủ đề ý nghĩa lời ru và các khía cạnh nội dung của chủ đề** |  | **Lý lẽ** | **Bằng chứng** |
| -Trước hết, đó là âm hưởng ca dao, cổ tích mở ra một thẻ giới tuỗi thơ ngọt ngào |  |  |
| -Trong lời mẹ hát, con hiểu được những vất vả, truân chuyên của cuộc đời mẹ, càng thêm kính yêu tấm lòng mẹ cao cả. |  |  |
| -Trong lời mẹ hát, còn là lòng biết ơn, tình yêu thương và sự thấu hiếu của con với mẹ. |  |  |
| **Luận điểm 2:**  **Những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng thể hiện chủ đề** | Trước hết là sự kết hợp nhuần nhuyễn các hình ảnh giàu sức gợi. |  |  |
| Điều tôi ấn tượng về nghệ thuật của *Trong lời mẹ hát cò*n là âm hưởng êm dịu, tha thiết bao trùm toàn bài thơ |  |  |
| **Nhận xét:-**................................................................................................................................ | | | |

**PHT số 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Quy trình viết** | **Thao tác cần làm** |
| **Bước 1:**  ***Chuẩn bị trước khi viết*** | **Xác định mục đích, người đọc, nội dung và cách viết**  … |
| **Thu thập tư liệu**  … |
| **Bước 2:**  ***Tìm ý và lập dàn ý*** | **Tìm ý**   |  |  | | --- | --- | | **PHÂN TÍCH BÀI THƠ**  **1. Tên bài thơ:** …  **2. Tên tác giả:** …  **3. Chủ đề bài thơ:** …  **4. Những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng:** | | | **Hình thức nghệ thuật** | **Tác dụng đối với việc thể hiện nội dung** | |  |  | |  |  | |  |  | |
| **Lập dàn ý**  … |

***Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn nghị luận phân tích một bài thơ:   
Chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **Mở bài** | -Giới thiệu tên bài thơ, thể loại, tên tác giả (nếu có) |  |  |
| -Khái quát những nét đặc sắc của bài thơ (chủ đề, hình thức nghệ thuật nổi bật) |  |  |
| **Thân bài** | -Trình bày luận điểm về chủ đề bài thơ |  |  |
| -Phân tích lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ một vài khía cạnh nội dung của chủ đề |  |  |
| -Trình bày luận điểm về những nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ |  |  |
| -Phân tích lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ những nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ |  |  |
| **Kết bài** | -Khẳng định lại ý kiến về chủ đề, những nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ |  |  |
| -Nêu suy nghĩ, cảm xúc hoặc bài học rút ra từ bài thơ |  |  |
| **Diễn đạt** | -Không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp |  |  |
| -Sử dụng từ ngữ phù hợp |  |  |
| -Có phần mở bài lôi cuốn, hấp dẫn |  |  |
| -Có cách kết bài ấn tượng, đặc sắc |  |  |

**THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

**Đề bài:**Em sẽ vận dụng những kĩ năng đã có để thảo luận về cách thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay trong buổi sinh hoạt lớp.

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:***

- Nắm bắt được các bước thảo luật ý kiến từ một vấn đề của đời sống mà mình quan tâm và trình bày ý kiến của mình về vấn đề đó.

***2.Về năng lực***

**a. *Năng lực đặc thù***

- Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

***b. Năng lực chung***

-Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.  
-Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản  
thân trong học tập

***3. Về phẩm chất***

- Cố gắng rèn luyện để đạt kết quả tốt trong hoạt động luyện tập nói và nghe.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ

**-** Phiếu học tập.

**2. Học liệu**

- Một số tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A.HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** *(Dự kiến thời lượng: 5 phút)*

**1. Hoạt động khởi động**

**a. Mục tiêu:**

-Kích hoạt kiến thức nền về kĩ năng thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với  
lứa tuổi.  
-Xác định được những tình huống giao tiếp sử dụng kĩ năng thảo luận về một vấn đề  
trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

**b. Nội dung**:

HS theo dõi video và chia sẻ ***Kỹ năng xác định điểm mạnh và điểm yếu của bản thân*** - https://www.youtube.com/watch?v=FvxSLbuLYdk

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *-*Nhóm 2 HS thảo luận và trả lời câu hỏi: -Theo em, làm thế nào để thảo luận về một vấn đề trong đời sống? -Trong thực tế cuộc sống, theo em, trong những tình huống nào chúng ta sẽ sử dụng kĩ năng thảo luận về một vấn đề trong đời sống? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  Nhóm 2 HS suy nghĩ câu trả lời. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  1 – 2 HS trả lời câu hỏi; các HS khác nhận xét và nêu câu hỏi. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **-**GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức dẫn vào bài mới | HS quan sát, lắng nghe và trả lời câu hỏi. |

**2. Hoạt động xác định nhiệm vụ nói và nghe  
*a. Mục tiêu:*** Xác định được nhiệm vụ nói và nghe cần thực hiện trong bài học.  
***b. Nội dung:***Chủ đề thảo luận

***c.Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ nói và nghe cần thực hiện trong bài học.  
***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Cá nhân HS đọc SGK và trả lời câu hỏi: Trong bài học này, em sẽ thực hiện hoạt động gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  Đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét và nhắc lại nhiệm vụ thảo luận: Thảo luận về cách thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay trong buổi sinh hoạt lớp. | **Chủ đề thảo luận**  *Thảo luận về cách thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay trong buổi sinh hoạt lớp.* |

**B.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC / LUYỆN TẬP** *(Dự kiến thời lượng: 30 phút)*

**Hoạt động 1: Hoạt động tìm hiểu cách thức thực hiện kĩ năng thảo luận**

**a. Mục tiêu:**

-Trình bày được cách thức thực hiện kĩ năng thảo luận.  
**b. Nội dung**: GV hướng dẫn học sinh nắm được các bước thực hiện và thực hành nói và nghe.

**c. Sản phẩm:** Sơ đồ tóm tắt quy trình thực hiện cuộc thảo luận về một vấn đề trong đời sống của HS.  
**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Vẽ sơ đồ tóm tắt quy trình thực hiện cuộc thảo luận về một vấn đề trong đời sống.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS, nhóm được chỉ định trình bày  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét sơ đồ của HS và nhắc lại quy trình: | **I. Một số lưu ý khi thảo luận:**  **1. Chuẩn bị** – Thành lập nhóm và phân công nhiệm vụ – Xác định đề tài thảo luận nhóm – Thống nhất mục tiêu, thời gian thảo luận – Xác định đối tượng người nghe, cách nói – Chuẩn bị nội dung thảo luận, dự kiến các ý kiến trái chiều và ý kiến khi thảo luận  **2. Thảo luận (thảo luận trong nhóm nhỏ và thảo luận giữa các nhóm)** – Trình bày ý kiến – Phản hồi ý kiến – Thống nhất ý kiến  **3. Suy ngẫm và rút kinh nghiệm**  – Chỉ ra những điều đã làm tốt trong cuộc thảo luận – Rút ra được bài học để lần sau thảo luận đạt hiệu quả cao hơn |

**Chuẩn bị**

-Thành lập nhóm và phân công nhiệm vụ

-Xác định đề tài thảo luận nhóm

-Thống nhất mục tiêu, thời gian thảo luận

-Xác định đối tượng người nghe, cách nói

-Chuẩn bị nội dung thảo luận, dự kiên các ý kiên trái chiều và ý kiên khi thảo luận

**Thảo luận (thảo luận  
trong nhóm nhỏ và  
thảo luận giữa các  
nhóm)**

* Trình bày ý kiên
* Phản hồi ý kiên
* Thống nhất ý kiên

**Suy ngẫm và  
rút kinh nghiệm**

* Chỉ ra những điều đã làm tốt trong cuộc thảo luận
* Rút ra được bài học để lần sau thảo luận đạt hiệu quả cao hơn

C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\FineReader12.00\media\image23.jpeg C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\FineReader12.00\media\image23.jpeg C:\Users\Admin\AppData\Local\Temp\FineReader12.00\media\image23.jpeg

**Hoạt động 2: Tìm hiểu tiêu chí đánh giá kĩ năng thảo luận về một vấn đề trong đời sống  
a. Mục tiêu:** Trình bày được tiêu chí đánh giá kĩ năng thảo luận về một vấn đề trong  
đời sống.  
**b. Nội dung**: HS đọc lại Bảng kiểm kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội ở phần *Nói và nghe* SGK lớp 8, tập 1, Bài 3, Sự sống thiêng liêng, .

**c. Sản phẩm:** Nội dung trình bày của HS về tiêu chí đánh giá kĩ năng thảo luận về một vấn đề trong đời sống.  
**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS đọc lại Bảng kiểm kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội ở phần *Nói và nghe* SGK lớp 8, tập 1, Bài 3, Sự sống thiêng liêng và trình bày cách thức sử dụng bảng kiểm khi luyện tập và khi đánh giá lẫn nhau, nêu câu hỏi (nếu có).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  1 – 2 HS trình bày hoặc nêu câu hỏi. Các HS khác lắng nghe.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **-**GV trả lời câu hỏi của HS về bảng kiểm (nếu có) và nhắc lại cách thức HS sử dụng bảng kiểm để tự đánh giá kĩ năng thảo luận về một vấn đề trong đời sống. | **II. Thực hành nói và nghe** |

***Bảng kiểm trình bày ý kiến***

***Cách thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay trong buổi sinh hoạt lớp***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nội dung kiếm tra | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Bài trình bày có đủ các phần giới thiệu, nội dung, kết thúc. |  |  |
| Mở đầu và kết thúc ấn tượng, thu hút. |  |  |
| Trình bày trực tiếp, rõ ràng ý kiến của người nói về vấn đề. |  |  |
| Đưa ra được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục. |  |  |
| Nói rõ, rành mạch và đúng thời gian quy định. |  |  |
| Tự tin nhìn vào người nghe khi nói, sử dụng giọng điệu và điệu bộ hợp lí. |  |  |
| Ghi nhận và phản hồi lịch sự, thoả đáng những câu hỏi. |  |  |
| Biết bảo vệ ý kiến trước sự phản bác của người nghe. |  |  |

**C.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP/VẬN DỤNG** *(Dự kiến thời lượng: 5 phút)*

**1. Hoạt động chuẩn bị trước khi thảo luận**

**a. Mục tiêu:**

-Thành lập nhóm, thống nhất mục tiêu và thời gian thảo luận, xác định đối tượng người nghe và lựa chọn cách nói phù hợp với những đối tượng đó, phân công công việc cho các thành viên và chuẩn bị nội dung thảo luận.  
-Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.  
**b. Nội dung**: Tổ chức HS thảo luận, chia sẻ ý kiến

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về mục tiêu và thời gian thảo luận, đối tượng người người nghe và cách nói phù hợp với những đối tượng đó, công việc phân công cho các thành viên; nội dung chuẩn bị thảo luận.  
**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -GV tổ chức buổi tọa đàm: **“***Cách thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay trong buổi sinh hoạt lớp.***”**  + GV sẽ chọn 2 nhóm của 2 đội đồng tình/ không đồng tình nhanh nhất để làm đội chơi. 2 nhóm còn lại sẽ làm ban giám khảo (Mỗi nhóm cử ra 3 bạn làm BGK).  +2 nhóm làm đội chơi thực hiện phần nói theo dàn ý đã chuẩn bị.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS xem lại dàn ý của hoạt động viết  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS nói (4 - 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói, trình bày trước cả lớp.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | **II. Thực hành thảo luận *1. Chuẩn bị thảo luận***  -Xác định được mục đích thảo luận và người nghe: + Mục đích thảo luận: Làm rõ vấn đề *Cách thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay trong buổi sinh hoạt lớp* + Người nghe là những người quan tâm đến vấn đề thảo luận, muốn tham gia và đóng góp ý kiến cho buổi thảo luận. - Lập nhóm, phân công người chủ trì, thư kí.  -Thời gian thảo luận dự kiến là bao lâu?  -Chuẩn bị được nội dung thảo luận. |



**2. Hoạt động thực hiện nhiệm vụ thảo luận  
a. Mục tiêu:**

-Biết thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.  
-Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.  
-Cố gắng rèn luyện để đạt kết quả tốt trong hoạt động luyện tập nói và nghe.  
**b. Nội dung**: Nội dung thảo luận về vấn đề cách thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay.  
**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  (1) Vòng 1: Thảo luận trong nhóm nhỏ theo cách thức như sau: Đầu tiên, lần lượt từng thành viên trình bày ý kiến; các thành viên phản hồi ý kiến; cuối cùng cả nhóm thống nhất ý kiến về vấn đề cách thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay. (2) Vòng 2: Thảo luận giữa các nhóm.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS thực hiện nhiệm theo theo trình tự: (1) & (2).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  Đại diện mỗi nhóm trình bày ý kiến đã thống nhất, các nhóm khác lắng nghe và nêu câu hỏi (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét ngắn gọn phần trình bày của các nhóm HS, nêu định hướng về cách thể hiện bản thân của giới trẻ hiện này và đề nghị HS chuẩn bị cho hoạt động trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm | **II. Thực hành thảo luận *1. Chuẩn bị thảo luận***  ***2. Tiến hành thảo luận*** Đạt được các yêu cầu về nội dung thảo luận: – Mở đầu: Nêu vấn đề thảo luận. – Triển khai: Nêu ý kiến (dưới dạng chia sẻ trải nghiệm của bản thân hoặc trình bày vấn đề một cách khách quan) |

**3. Hoạt động trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm  
a. Mục tiêu:**

-Tự đánh giá kĩ năng thảo luận của bản thân và các thành viên trong nhóm; rút ra được kinh nghiệm cho bản thân về kĩ năng thảo luận về một vấn đề trong đời sống.  
-Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.  
**b. Nội dung**: Nội dung trao đổi, rút kinh nghiệm..  
**c. Sản phẩm:** Lời nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm của HS.  
**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ: (1) Nêu ít nhất hai điều bản thân hoặc các thành viên trong nhóm đã làm tốt trong quá trình thảo luận. (2) Nêu hai điều bản thân và các thành viên cần rút kinh nghiệm, điều chỉnh để lần thảo luận sau đạt hiệu quả cao hơn.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS thực hiện nhiệm theo theo trình tự: (1) & (2).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  (1) 1 – 3 HS trình bày hai điều mà bản thân hoặc các thành viên trong nhóm đã làm tốt trong quá trình thảo luận. (2) 1 – 3 HS trình bày hai điều bản thân và các thành viên cần rút kinh nghiệm, điều chỉnh để lần thảo luận sau đạt hiệu quả cao hơn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS trên các phương diện: Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần lưu ý, điều chỉnh về cách thực hiện kĩ năng thảo luận về vấn đề trong đời sống. – GV giải đáp những gì HS thắc mắc (nếu có). | **II. Thực hành thảo luận *1. Chuẩn bị thảo luận***  ***2. Tiến hành thảo luận 3. Đánh giá về buổi thảo luận*** – Đánh giá nội dung đạt/ chưa đạt của buổi thảo luận. – Rút ra kinh nghiệm khi thực hiện thảo luận một vấn đề. |

**D. HOẠT ĐỘNG HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN PHẦN *ÔN TẬP  
a. Mục tiêu:*** Thực hiện được các bài tập *Ôn tập* trong SGK ở nhà.  
***b. Sản phẩm:*** Kết quả thực hiện các bài tập *Ôn tập* trong SGK.  
***c. Tổ chức thực hiện:****\* Giao nhiệm vụ học tập:*– HS làm các bài tập *Ôn tập* trong SGK.  
– GV thông báo thời gian báo cáo bài tập: tiết *Ôn tập*.  
*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện bài tập *Ôn tập* ở nhà.  
*\* Báo cáo, thảo luận* và *Kết luận, nhận định:* Thực hiện ở tiết *Ôn tập*.

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**



***Bảng kiểm trình bày ý kiến***

***Cách thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay trong buổi sinh hoạt lớp***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nội dung kiếm tra | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Bài trình bày có đủ các phần giới thiệu, nội dung, kết thúc. |  |  |
| Mở đầu và kết thúc ấn tượng, thu hút. |  |  |
| Trình bày trực tiếp, rõ ràng ý kiến của người nói về vấn đề. |  |  |
| Đưa ra được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục. |  |  |
| Nói rõ, rành mạch và đúng thời gian quy định. |  |  |
| Tự tin nhìn vào người nghe khi nói, sử dụng giọng điệu và điệu bộ hợp lí. |  |  |
| Ghi nhận và phản hồi lịch sự, thoả đáng những câu hỏi. |  |  |
| Biết bảo vệ ý kiến trước sự phản bác của người nghe. |  |  |

**Tham khảo:**

**1. Mở bài:**

Giới thiệu chủ đề thảo luận: "Cách thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay".

Nêu tầm quan trọng của việc thể hiện bản thân.

**2. Thân bài:**

Phân tích một số cách thể hiện bản thân phổ biến của giới trẻ hiện nay:

**- Qua trang phục**:

Giới trẻ ngày nay có xu hướng lựa chọn trang phục cá tính, độc đáo, thể hiện sở thích và phong cách riêng.

Một số bạn trẻ thích cosplay, theo đuổi các trào lưu thời trang mới nhất.

**- Qua mạng xã hội**:

Giới trẻ sử dụng mạng xã hội để chia sẻ suy nghĩ, quan điểm, hình ảnh về bản thân.

Một số bạn trẻ xây dựng hình ảnh cá nhân trên mạng xã hội, thu hút lượng người theo dõi lớn.

 - Qua các hoạt động ngoại khóa:

Tham gia các hoạt động ngoại khóa giúp giới trẻ thể hiện năng khiếu, sở thích và khả năng của bản thân.

Một số bạn trẻ tham gia các câu lạc bộ, hoạt động tình nguyện, các cuộc thi tài năng...

**- Đánh giá ưu và nhược điểm của một số cách thể hiện bản thân:**

+ Ưu điểm:

Giúp giới trẻ tự tin, khẳng định bản thân.

Phát triển khả năng giao tiếp, sáng tạo và độc lập.

Kết nối với những người có cùng sở thích.

 + Nhược điểm:

Một số cách thể hiện bản thân có thể ảnh hưởng đến sức khỏe, thời gian và học tập.

Dễ bị cuốn theo trào lưu, đánh mất bản thân.

Gây ra những tranh cãi, mâu thuẫn trong xã hội.

**- Thảo luận về những vấn đề cần lưu ý khi thể hiện bản thân:**

Thể hiện bản thân đúng mực, phù hợp với hoàn cảnh.

Tôn trọng giá trị văn hóa, đạo đức và truyền thống.

Tránh những hành vi thể hiện bản thân thái quá, gây ảnh hưởng đến người khác.

**3. Kết bài:**

Khẳng định tầm quan trọng của việc thể hiện bản thân một cách tích cực.

Kêu gọi giới trẻ thể hiện bản thân đúng cách, phù hợp với lứa tuổi và hoàn cảnh.

**ÔN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:***

- Chủ đề 8, Những cung bậc tình cảm (Thơ song thất lục bát)

***2.Về năng lực***

**a. Năng lực riêng biệt:**

- HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học trong bài học để thực hiện các nhiệm vụ Ôn tập. .

**b. Năng lực chung**

- NL giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

- NL tự chủ và tực học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

***3. Về phẩm chất***

- Nghiêm túc, chỉnh chu, chăm học

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Thiết bị dạy học**

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ

- Phiếu học tập.

**2. Học liệu**

- Tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :**

**A.HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** (Dự kiến thời lượng: 5 phút)

**a. Mục tiêu:** Gợi hứng thú, tìm hiểu bài ôn tập cho HS

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS chia sẻ những hiểu biết của mình về chủ đề

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv tổ chức trò chơi:VÒNG QUAY MAY MẮN  **Câu1**.Nêu tên chủ đề bài 8 ?  **Câu 2**.Đặc điểm thơ song thất lục bát (số dòng thơ, số chữ trên dòng thơ) ?  **Câu 3**.Vần trong thơ song thất lục bát?  **Câu 4**.Yếu tố HV sau gọi là gì ? Gia 1: nhà (Gia chủ đã đi vắng).Gia 2: thêm vào (Món này có gia vị nữa là ngon )  **Câu 5**.Phân tích đánh giá một tác phẩm thì căn cứ vào đâu ?  **Câu 6**.Thảo luận về một vấn đề trong đời sống, em cần chuẩn bị mấy bước ? kể tên ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS suy nghĩ, chắt lọc thông tin tìm đáp án  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS được chỉ định trả lời  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **-** GV chốt kiến thức dẫn vào bài | Sản phẩm của HS  **Câu1**.Những cung bậc tình cảm .  **Câu 2**.2 câu 7 chữ, 1 câu 6 chữ, 1 câu 8 chữ.  **Câu 3**.Chữ cuối câu 7 vần chữ 5 câu 7 dưới.Chữ cuối câu 7 dưới vần chữ cuối câu 6. Chữ cuối câu 6 vần chữ 6 câu bát.Chữ cuối câu bát vần chữ 5 câu tiếp theo.  **Câu 4**.Đồng âm khác nghĩa  **Câu 5**. Căn cứ vào ND, HT của tác phẩm.  **Câu 6**.Bước 1: Chuẩn bị. Bước 2: Thảo luận. Bước 3: Suy ngẫm và rút kinh nghiệm |

**B.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC/ÔN TẬP** *(Dự kiến thời lượng: a phút)*

**a. Mục tiêu:** Trình bày phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập thực hiện ở nhà

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ hướng dẫn HS ôn tập nội dung chủ đề

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cho các bài tập Ôn tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Hoạt động nhóm:  - HS xem lại phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà, sau đó trình bày kết quả theo hình thức nhóm đôi  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - Cá nhân HS xem lại, chỉnh sửa, hoàn thiện phần chuẩn bị ở nhà, sau đó chia sẻ với bạn nhóm đôi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày kết quả đã chuẩn bị, các HS nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **-**- GV nhận xét, đánh giá phần chuẩn bị của HS, sau đó nhấn mạnh những kĩ năng đọc, viết, nói và nghe đã học. | **I. Phần đọc và thực hành tiếng Việt**  **1. Đặc điểm của thể thơ song thất lục bát.**  Thơ song thất lục bát gồm có 2 câu 7 chữ và 1 câu 6 chữ, 1 câu 8 chữ. Chữ cuối câu bảy trên vần với chữ thứ 5 câu bảy dưới, chữ cuối câu bảy dưới vần với chữ cuối câu lục, tiếng cuối câu lục vần với chữ thứ 6 câu bát. Và chữ cuối câu bát vần với chữ thứ 5 (đôi khi chữ thứ 3) của câu thất tiếp theo. |

**2. Đọc lại các văn bản đã học và điền thông tin vào bảng sau**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Từ ngữ, hình ảnh độc đáo** | **Mạch cảm xúc** | **Cảm hứng chủ đạo** | **Chủ đề** |
| *Nỗi nhớ thương của người chinh phụ* | oanh già, ý nhi gáy trước nhà  đào quyến gió đông, tuyết mai trắng bãi, đào đông đỏ bờ | nỗi nhớ dai dẳng của người chinh phụ chờ chồng từ năm này qua năm khác | cảm hứng buồn, nhớ mong | tình cảm đôi lứa |
| *Hai chữ nước nhà* | con ơi! Nhớ đức sinh thành,  Sao cho khỏi để ô danh với đời. | người cha trăn trối bàn giao việc lại cho con nhưng thực chất khẳng định lại những công lao của cha ông | Cảm hứng hào hùng | quê hưng, đất nước |
| *Tì bà hành* | 'tiếng suối lạnh', 'ôm sầu, đau giận', 'bình bạc vỡ', 'ngựa thét giong', thật 'thanh tao', và 'buông xé lụa' | Qua tiếng đàn tài hoa và số phận lận đận của người ca nữ, nhà thơ đã bộc lộ tâm sự về cuộc đời, về nhân sinh. | Bài thơ là tiếng lòng cảm thương đậm chất nhân văn của nhà thơ đối với tài năng bị cuộc đời vô tình lãng quên. | kiếp người trôi nổi, bạc bẽo, buồn thương, xót xa nhưng không hề oán trách số phận. |

**3**. **Nhận xét về vần, nhịp của đoạn trích sau:**

Ngập ngừng lá rụng cành **trâm** (B)

Buổi hôm nghe dậy tiếng **cầm** (B) xôn **xao**.

Hẹn nơi nao, Hán Dương cầu **nọ** (T) (137)

Chiều lại tìm nào **có** (T) tiêu **hao** (B)

Ngập ngừng gió thổi chéo **bào** (B)

Bãi hôm tuôn dẫy nước **trào**(B) mênh **mông** (B).

Tin thường lại người **không** (B) thấy **lại**(T) (141)

Hoa dương tàn đã **trải** (T) rêu **xanh** (B)

Rêu xanh mấy lớp xung **quanh** (B)

Sân đi một bước trăm **tình** (B)ngẩn ngơ.

(Chinh phụ ngâm, nguyên tác chữ Hán: Đặng Trần Côn, bản diễn Nôm: Phan Huy Ích)

- **Vần**:

+ Đoạn trích sử dụng vần bằng: trâm-cầm/ xao-hao/ bào-trào/ mông-không/ xanh-quanh.

+ Tác dụng: tạo sự liên kết, liền mạch cho đoạn thơ.

- **Nhịp**:

+ Nhịp thơ đa dạng, linh hoạt: nhịp 2/2/2, nhịp 4/4, nhịp 3/4

-) Sự thay đổi nhịp điệu tạo nên sự uyển chuyển, du dương cho đoạn thơ, phù hợp với nội dung trữ tình, miêu tả tâm trạng.

=> Tác dụng: Vần, nhịp góp phần tạo nên âm hưởng du dương, uyển chuyển cho đoạn thơ. Vần, nhịp giúp thể hiện tâm trạng bâng khuâng, ngỡ ngàng, buồn thương của nhân vật trữ tình

**4. Xác định ý nghĩa của các yếu tố Hán Việt đồng âm khác nghĩa trong các nhóm từ ngữ sau:**

- Thần đồng, đồng tâm hiệp lực

- Đồng minh hội, tường minh

**\* Thần đồng , Đồng tâm hiệp lực:**

- **Thần đồng**: (đứa trẻ) để chỉ đứa trẻ có khả năng vượt trội ở một lĩnh vực nào đó.

- **Đồng tâm hiệp lực**: “cùng, cùng nhau” nên “đồng tâm hiệp lực” là chung lòng góp sức lại với nhau để làm những việc lớn, đạt đến mục đích chung.

**\* Đồng minh hội - Tường minh:**

- **Đồng minh hội:**có nghĩa “thề; có quan hệ tín ước” nên “đồng minh hội” để chỉ một tổ chức với các thành viên đã cùng thề, cùng giao ước/ thoả thuận/ cam kết với nhau

**- Tường minh:**có nghĩa “làm cho rõ” nên “tường minh” có nghĩa là diễn đạt trực tiếp, rõ ràng.

**II. Phần viết, nói và nghe**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Em rút ra những điều cần lưu ý khi viết bài văn nghị luận phân tích một văn bản thơ: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiệu quả thẩm mĩ của nó.  -Theo em, để cuộc thảo luận nhóm về một vấn đề trong đời sống trở nên thú vị và hữu ích, cần có những điều kiện gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS làm việc cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  Gv mời 02 -03 học sinh chia sẻ  HS khác lắng nghe, nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **-**GV nhận xét, chốt kiến thức | **II. Phần viết, nói và nghe**  **5. Rút ra những điều cần lưu ý khi viết bài văn nghị luận phân tích một văn bản thơ**: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiệu quả thẩm mĩ của nó.  **- Về nội dung:**  + Xác định được chủ đề và phân tích, đánh giá ý nghĩa, giá trị của chủ đề bài thơ.  + Phân tích, đánh giá được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật như dạng thức xuất hiện của chủ thể trữ tình, kết cấu, từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ,…  **- Về hình thức:**  + Lập luận chặt chẽ, thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận của người viết về bài thơ.  + Có bằng chứng tin cậy từ bài thơ.  + Diễn đạt mạch lạc, sử dụng được các câu chuyển tiếp, các từ ngữ liên kết giúp người đọc nhận ra mạch lập luận.  **6. Theo em, để cuộc thảo luận nhóm về một vấn đề trong đời sống trở nên thú vị và hữu ích, cần có những điều kiện** :  Để cuộc thảo luận nhóm về một vấn đề trong đời sống trở nên thú vị và hữu ích, cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, kỹ năng thảo luận tốt, môi trường thảo luận phù hợp và kỹ năng kết thúc thảo luận hiệu quả. |

**C.HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** *(Dự kiến thời lượng: 5 phút)*

**a. Mục tiêu:** HS trình bày thêm ý kiến về câu hỏi lớn đầu bài học, qua đó hiểu thêm về chủ điểm *Những cung bậc tình cảm*.

**b. Nội dung**: Tổ chức HS chia sẻ suy nghĩ

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về câu hỏi lớn và chủ điểm bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Từ những nội dung đã học trong bài, Vì sao cần chia sẻ tình cảm của mình với người khác và thấu hiểu cảm xúc của họ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS hoạt động cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS chia sẻ suy nghĩ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **-**Gv nhận xét, đánh giá, cho điểm | - Chia sẻ của HS  **7. Vì sao cần chia sẻ tình cảm của mình với người khác và thấu hiểu cảm xúc của họ?**  Chúng ta cần chia sẻ tình cảm của mình với người khác để được thấu hiểu, cảm thông; ngược lại, khi người khác chia sẻ cảm xúc, chúng ta cần thấu hiểu, tôn trọng cảm xúc để họ cảm thấy được an ủi, yêu thương. |

**IV. HỒ SƠ HỌC TẬP**

**Phiếu học tập bài 2**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Từ ngữ, hình ảnh độc đáo** | **Mạch cảm xúc** | **Cảm hứng chủ đạo** | **Chủ đề** |
| Nỗi nhớ thương của người chinh phụ |  |  |  |  |
| Hai chữ nước nhà |  |  |  |  |
| Tì bà hành |  |  |  |  |

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ 2**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Nắm kiến thức về văn bản nghị luận, truyện trinh thám, thể thơ song thất lục bát.

- Nắm bắt được kiến thức về cấu tạo câu và nghĩa của từ có yếu tố Hán Việt.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

- Năng lực sáng tạo.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Hệ thống các kiến thức đã học về văn bản nghị luận, truyện trinh thám, thể thơ song thất lục bát, đặc điểm chức năng của câu đơn, câu ghép, câu rút gọn, câu đặc biệt và nghĩa của 1 số từ Hán Việt.

**-** Nắm được quy trìnhviết bài văn nghị luận về một vấn đề và bài văn nghị luận về một tác phẩm văn học.

**3. Về phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ

- Phiếu học tập.

**2. Học liệu**

- Một số video, hình ảnh liên quan đến nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** *(Dự kiến thời lượng: 5 phút)*

**a. Mục tiêu:**

- Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS kết nối với kiến thức đã học, khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:**

- HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi và củng cố bài học.

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV tổ chức trò chơi ***"*Tổ nào nhanh hơn**":

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

- HS lựa chọn câu hỏi và trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Câu trả lời đúng của HS

**\* Sản phẩm dự kiến:**

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi .

**Câu 1**: Nêu các dạng văn bản chúng ta đã học từ đầu HKII đến giờ ? (Song thất lục bát, văn ản nghị luận, truyện trinh thám)

**Câu 2**: Chúng ta đã tìm hiểu những kiểu câu nào trong tiếng Việt ?

**Câu 3**: *Từ đồng âm và từ đa nghĩa khác nhau như thế nào?*

**Câu 9**: Quy trình viết bài văn nghị luận ? (*Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết Bước 2: Tim ý và lập dàn ý Bước 3: Viết bài Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm*)

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC/LUYỆN TẬP**

*(Dự kiến thời lượng: 35 phút)*

**Hoạt động 1: PHẦN ĐỌC .**

**a. Mục tiêu:**

- Trình bày đặc điểm của thể loại song thất lục bát, văn bản nghị luận về một vấn đề và văn bản phân tích một tác phẩm văn học.

-Tóm tắt các đặc điểm của những văn bản đã học

**b. Nội dung:**

- Câu hỏi 1,2 SGK

**c. Sản phẩm học tập:**

**-** Phiếu học tập của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV phát phiếu học tập cho HS làm nhóm  + Nêu những đặc điểm của thể thơ song thất lục bát?  + Nếu các đặc điểm của truyện trinh thám?  +, Nêu các đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích về một tác phẩm văn học?  + Nêu các đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề trong đời sống?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi vào phiếu học tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Sản phẩm của nhóm học tập.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -GV nhận xét, chốt kiến thức. | **I. PHẦN ĐỌC .**  **1.Đặc điểm của thể loại thơ song thất lục bát.**  - Số chữ, số dòng trong bài thơ.  - Bố cục, vần, nhịp.  - Từ ngữ, hình ảnh.  - Tình cảm, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của tác giả.  **2. Văn bản truyện trinh thám.**  \*, Khái niệm:  - Không gian, thời:  - Cốt truyện, sự kiện:  - Chi tiết:  - Nhân vật, nân vật chính:  - Lời người kể chuyện:  **3. Văn bản ngị luận.**  - Ý tưởng, thông điệp của văn bản:  - Bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội trong việc đọc văn bản . |

**Hoạt động 2: TIẾNG VIỆT .**

**a. Mục tiêu:**

- Học sinh được củng cố kiến thức về: Đặc điểm, chức năng của các loại câu: câu đơn, câu ghép, câu rút gọn, câu đặc biệt và ý nghĩa của một số từ Hán Việt.

**b. Nội dung:**

- Bài tập 3 SGK

**c. Sản phẩm học tập:**

- Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV phát phiếu học tập cho HS   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Kiểu câu** | **Đặc điểm/ Chức năng** | | 1 | Câu đơn- câu ghép |  | | 2 | Câu rút gọn, câu đặc biệt |  | | 3 | Hiện tương từ đồng âm khác nghĩa và đa nghĩa |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hành trên phiếu học tập nhóm  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày kết quả hoạt động nhóm HT  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **II. TIẾNG VIỆT.**  1.Đặc điểm và chức năng của câu đơn và câu ghép:  2.Đặc điểm và chức năng của câu rút gọn và câu đặc biệt.  3.Đặc điểm và chức năng của hiện tượng từ đồng âm khác nghĩa và từ đa nghĩa. |

**Hoạt động 3: PHẦN VIẾT .**

**a. Mục tiêu:**

- Hệ thống hoá những nội dung đã học liên quan đến Viết, Nói và nghe ở giữa học kì II.

- Học sinh được thực hành viết văn bản giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim .

**b. Nội dung:**

-Nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.

-Viết văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học

**c. Sản phẩm học tập:**

- Dàn ý, bài viết của HS ở nhà

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1. Nghị luận về một vấn đề cần giải quyết**.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Lập dàn ý bài nghị luận về một vấn đề cần giải quyết  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS lập dàn ý ở nhà  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày bài viết của mình.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - HS nhận xét, phản hồi  - GV chốt kiến thức.  Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn để cần giải quyết   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | | **Đ** | **CĐ** | | **Mở bài** | -Giới thiệu vấn đề  -Nêu tầm quan trọng của việc giải quyết, khắc phục vấn đề |  |  | | **Thân bài** | -Giải thích vấn đề |  |  | | Trình bày luận điểm phân tích các khía cạnh của vấn |  |  | | Phắn tích lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ các khía cạnh của vấn đề |  |  | | -Trình bày luận điểm đề xuất các giải pháp |  |  | | Phân tích lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ các giải pháp cần thực hiện |  |  | | Luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí |  |  | | **Kết bài** | Khẳng định lại ý nghĩa của việc khắc phục, giải quyết vấn đề |  |  | | Rút ra bài học cho bản thân |  |  | | **Diễn đạt** | Mở bài lôi cuốn, hấp dẫn, kết bài ấn tượng |  |  | |   **NV2. Viết văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Lập quy trình viết bài nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS làm ở nhà  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày bài viết của mình.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - HS nhận xét, phản hồi  - GV chốt kiến thức.  \*, Gv: môt số lưu ý khi viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học; | **III. PHẦN VIẾT.**  **1.Nghị luận về một vấn đề cần giải quyết**.  \* **Dàn ý chung**  **+ Mở bài**  - Giới thiệu vấn đề  -Nêu tầm quan trọng của việc giải quyết, khắc phục vấn đề.  **+ Thân bài**  - Giải thích vấn đề  - Phân tích vấn đề:  +Thực trạng  +Nguyên nhản  +Hậu quả  - Nêu giải pháp khắc phục vấn đề:  Giải phấp 1 ...  Giải pháp...  **+ Kết bài**  -Khẳng định lại ý nghĩa của việc khắc phục, giải quyết vấn đề  -Rút ra bài học cho bản thân  **2.Viết văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học .**  - Khi viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học cần:  + Đảm bảo bố cục bài viết.  + Bài viết cần phân tích làm rõ chủ đề và đặc sắc nghệ thuật.  + Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng rõ ràng; sử dụng các phương tiện liên kết phù hợp.  + Tuân thủ quy trình viết.   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | |  |  | | --- | --- | | Quy trình viết | | | Bước 1:  Chuẩn bị | - Tác phẩm lựa chọn:  - Mục đích viết:  - Người đọc: | | Bước 2:  Tìm ý, lập dàn ý | \* Tìm ý:  \* Lập dàn ý:  - Mở bài:  - Thân bài:  - Kết bài: | | Bước 3:  Viết bài | - Viết một bài văn hoàn chỉnh. | | |

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

- HS được rèn những kĩ năng trình bày, làm một bài kiểm tra đánh giá giữa kỳ.

**b. Nội dung:**

- Bài tập 5 SGK

**c. Sản phẩm học tập:**

- Dàn ý bài nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Làm được một số đề luyện tập.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - Hoạt động cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Sản phẩm của HS  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **IV. Vận dụng .** |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**NĂM HỌC 2024-2025**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 9**

Thời gian làm bài: 90 phút

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

**BỆNH LỀ MỀ**

*Trong đời sống hiện nay có một hiện tượng khá phổ biến, mọi người đều thấy,  nhưng thường bỏ qua. Đó là bệnh lề mề mà coi thường giờ giấc là một biểu hiện. Cuộc  họp ấn định vào lúc 8 giờ sáng mà 9 giờ mới có người đến. Giấy mời hội thảo ghi 14  giờ mà mãi đến 15 giờ mọi người mới có mặt. Hiện tượng này xuất hiện trong nhiều  cơ quan, đoàn thể, trở thành một bệnh khó chữa.*

*Những người lề mề ấy, khi ra sân bay, lên tàu hỏa, đi nhà hát ...chắc là không dám  đến muộn, bởi đến muộn là có hại ngay đến quyền lợi thiết thân của họ. Nhưng đi họp,  hội thảo là việc chung, có đến muộn cũng không thiệt gì. Thế là hết chậm lần này đến  chậm lần khác, và bệnh lề mề không sửa được.*

*Bệnh lề mề suy cho cùng là do một số người thiếu tự trọng và chưa biết tôn trọng  người khác tạo ra. Họ chỉ quý thời gian của mình mà không tôn trọng thời gian của  người khác. Họ không coi mình là người có trách nhiệm đối với công việc chung của  mọi người.*

*Bệnh lề mề gây hại cho tập thể. Đi họp muộn, nhiều vấn đề không được bàn bạc  thấu đáo, hoặc khi cần lại phải kéo dài thời gian. Bệnh lề mề gây hại cho những người  biết tôn trọng giờ giấc. Ai đến đúng giờ lại cứ phải đợi người đến muộn. Bệnh lề mề  tạo ra tập quán không tốt: Muốn người dự đến đúng giờ như mong muốn, giấy mời  thường phải ghi giờ khai mạc sớm hơn 30 phút hay một giờ!*

*Cuộc sống văn minh hiện đại đòi hỏi mọi người phải tôn trọng lẫn nhau và hợp tác  với nhau. Những cuộc họp không thật cần thiết thì không nên tổ chức. Nhưng những  cuộc hội họp cần thiết thì mọi người cần tự giác tham dự đúng giờ. Làm việc đúng giờ  là tác phong của người có văn hóa.*

*(Theo Phương Thảo - Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam,2007, tr 20)*

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1:** Văn bản “Bệnh lề mề” thuộc loại văn bản nào?

A. Văn bản biểu cảm

B. Văn bản nghị luận

C. Văn bản tự sự

D. Văn bản thuyết minh

**Câu 2:** Văn bản trên bàn về vấn đề gì?

A. Việc ăn mặc không đúng tác phong.

B. Việc nói năng thiếu văn hóa

C. Việc coi thường giờ giấc.

D. Việc vứt rác bừa bãi.

**Câu 3:** “Bệnh lề mề” thường xuất hiện ở đâu ?

A. Cơ quan, đoàn thể, cuộc họp, hội thảo.

B. Ở sân bay.

C. Đi tàu hoả.

D. Rạp chiếu phim.

**Câu 4:** Nguyên nhân của Bệnh lề mề ?

A. Quyền lợi thiết thân của họ

B. Công việc riêng quan trọng hơn.

C. Cong việc chung là của nhiều người

D. Một số người thiếu tự trọng

**Câu 5:** Dòng nào nói không đúng về tác hại bệnh lề mề ?

A. Bệnh lề mề gây hại cho tập thể.

B. Đi họp muộn, nhiều vấn đề không bàn bạc tháu đáo.

C. Bệnh lề mề suy cho cùng là do một số người thiếu tự trọng.

D. Bệnh lề mề tạo ra tập quán không tốt.

**Câu 6:** Đâu là giải pháp chống lại bệnh lề mề ?

A. Mọi người phải tôn trọng lẫn nhau và hợp tác  với nhau.

B. Làm việc đúng giờ  là tác phong của người có văn hóa.

C. Những cuộc họp không thật cần thiết thì không nên tổ chức.

D. Tất cả A,B,C đều đúng .

**Câu 7:** Văn bản “Bệnh lề mề” bàn về những khía cạnh nào của vấn đề?

A. Biểu hiện, nguyên nhận, mặt lợi, giải pháp

B. Biểu hiện, nguyên nhận, tác hại, giải pháp

C. Khái niệm, nguyên nhận, mặt lợi, giải pháp

D. Khái niệm, nguyên nhận, mặt hại, giải pháp

**Câu 8:** Câu nào là câu ghép có từ ngữ liên kết ?

A. Bệnh lề mề gây hại cho tập thể

B. Bệnh lề mề  tạo ra tập quán không tốt

C. Họ đến muộn, họ không bàn công việc một cách thấu đáo.

D. Vì họ đến muộn nên họ không bàn công việc một cách thấu đáo.

**Câu 9:** Em có đồng ý với ý kiến sau đây không? Vì sao?

*Làm việc đúng giờ là tác phong của người có văn hóa.*

**Câu 10.** Qua văn bản trên em rút ra bài học gì về việc sử dụng thời gian?

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

” Con chim sẻ nhỏ chết rồi

Chết trong đêm cơn bão về gần sáng.

Đêm ấy tôi nằm trong chăn nghe cánh chim đập cửa

Sự ấm áp gối chăn đã giữ chặt tôi

Và tôi ngủ ngon lành đến lúc bão vơi

(Trích Tiêng vọng, Nguyễn Quang Thiêu, Tiêng Việt 5, Tập một)

Trong đoạn thơ trên, tác giả nói vê sư việc gì? Em hãy viêt một bài văn ngăn trình bày suy nghĩ vê ý nghĩa của sự việc đó.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Phần | Câu | Nội dung | Điểm |
| **I.Đọc hiểu** | 1 | **B** | 0,5 |
| 2 | **C** | 0,5 |
| 3 | **A** | 0,5 |
| 4 | **D** | 0,5 |
| 5 | **C** | 0,5 |
| 6 | **D** | 0,5 |
| 7 | **B** | 0,5 |
| 8 | **D** | 0,5 |
| 9 | *Làm việc đúng giờ là tác phong của người có văn hóa.*  Học sinh có thể trả lời đồng ý hoặc không đồng ý kèm lí giải hợp lí | 1,0 |
| 10 | HS nêu được ít nhất 01 bài học về việc sử dụng  thời gian:  Gợi ý:  - Cần tuân thủ thời gian để không ảnh hưởng đến  người khác và công việc chung  - Phải có kế hoạch cụ thể để không lãng phí thời  gian... | 1,0 |
| **II. Viết** | *a*.*Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một vấn đề trong đời sống*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề | | 0,25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Sự vô cảm của con người | | 0,25 |
| c. Triển khai vấn đề: theo gợi ý sau: | | 2.5 |
| HS có thể viết bài nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; đảm bảo các yêu cầu sau:  **I. Mở bài:** - Dẫn dắt vào đề  - Sự việc được nói đến trong đoạn thơ: Sự vô cảm của con người  **II. Thân bài:** Bàn luận về sự vô cảm  **1. Giải thích**  - **Vô cảm**: là một trạng thái tinh thần mà ở đó con người không có tình cảm, cảm xúc nhân bản trước bất kì sự vật hiện tượng nào diễn ra xung quanh họ. Họ sống ích kỉ, lành lùng, trái tim băng giá, thờ ơ trước những người gặp bất hạnh, không quan tâm đễn những xấu xa xung quanh mình  **2. Bàn luận**.  - Căn bệnh vô cảm xuất hiện ngày càng nhiều, trở thành một vấn nạn trong xã hội.  **a- Biểu hiện:**  + Không quan tâm giúp đỡ những người xung quanh.  + Chỉ lo nghĩ cho lợi ích bản thân (Dẫn chứng cụ thể)  **b- Nguyên nhân của sự vô cảm**:  + Lối sống thực dụng của nên kinh tế hiện đại.  + Sự ích kỉ trong lòng mỗi người, sợ vạ lây,…  + Ảnh hưởng của cuộc cách mạng khoa học công nghệ, với ứng dụng hiện đại đã ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng đến giới trẻ.  + ….  **c- Hậu quả:**  + Nhân cách con người phát triển lệch lạc.  + Sự thờ ơ vô cảm dẫn đến cái xấu, cái ác lên ngôi, xã hội rối loạn.  **d- Biện pháp:**  + Luôn mở lòng, yêu thương những người xung quanh, yêu thương mà không đòi hỏi nhận lại.  + Biện pháp giáo dục đúng đắn.  **3. Mở rộng**  - Bên cạnh đó vẫn có những người luôn quan tâm, yêu thương, giúp đỡ những người xung quanh.  - Yêu thương, giúp đỡ mọi người khiến cuộc sống của mỗi người trở nên đẹp đẽ và ý nghĩa hơn.  **III. Kết bài**  - Khẳng định chung về hiện tượng đời sống đã bàn .  - Lời nhắn gửi đến tất cả mọi người . | |
| d. *Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | | 0,5 |
| e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | | 0,5 |

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Kiểu câu** | **Đặc điểm/ Chức năng** |
| 1 | Câu đơn- câu ghép |  |
| 2 | Câu rút gọn, câu đặc biệt |  |
| 3 | Hiện tương từ đồng âm khác nghĩa và đa nghĩa |  |